BẢN TIN

Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam về phòng vệ thương mại trong bối cảnh thực thi Hiệp định UKVFTA

Số 3

Thực tiễn điều tra, áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Vương Quốc Anh (UK) với các nước và với Việt Nam

Tổng quan về biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của Vương quốc Anh

Phân tích một số vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Anh với Trung Quốc

Mục lục

3 Tổng quan về biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của Vương quốc Anh

8 Các hình thức lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại phổ biến theo quy định của Vương Quốc Anh (UK) mà doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý

12 Quy trình điều tra vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Vương quốc Anh

16 Thực tiễn điều tra, áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Vương Quốc Anh (UK) với các nước và với Việt Nam

20 Phân tích một số vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Anh với Trung Quốc

26 Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Vương Quốc Anh

31 Các công cụ và biện pháp phòng ngừa rủi ro lẩn tránh cho doanh nghiệp Việt Nam

35 Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước

Tổng quan về biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/ chống trợ cấp của Vương quốc Anh

Khái niệm và các hình thức lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp

Lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp được hiểu là các hành vi của nhà sản xuất, xuất khẩu hoặc các chủ thể liên quan nhằm né tránh nghĩa vụ thuế phòng vệ thương mại đã được áp dụng hợp pháp bằng cách thay đổi hình thức giao dịch, tuyến đường thương mại hoặc đặc điểm kỹ thuật của hàng hóa, trong khi bản chất kinh tế và mức độ cạnh tranh của sản phẩm về cơ bản không thay đổi. Về mặt lý luận và thực tiễn điều tra, lẩn tránh thường không diễn ra dưới dạng vi phạm trực tiếp các quy định về thuế mà thông qua các thủ đoạn mang tính gián tiếp, lợi dụng khoảng trống pháp lý hoặc sự khác biệt trong cách phân loại, xác định xuất xứ và phạm vi áp dụng của biện pháp phòng vệ thương mại.

Các hình thức lẩn tránh phổ biến bao gồm việc chuyển tải hàng hóa qua nước thứ ba nhằm che giấu nguồn gốc thực sự của sản phẩm bị áp thuế; thay đổi không đáng kể cấu trúc, thành phần, quy cách kỹ thuật hoặc mã HS của sản phẩm để đưa hàng hóa ra ngoài phạm vi áp dụng của biện pháp; thực hiện các hoạt động lắp ráp, hoàn thiện hoặc gia công đơn giản tại nước không bị áp thuế nhưng không tạo ra giá trị gia tăng thực chất; hoặc tái cấu trúc chuỗi cung ứng, chuyển dịch công đoạn sản xuất nhằm né tránh nghĩa vụ thuế đối kháng. Ngoài ra, trong một số trường hợp, hành vi lẩn tránh còn thể hiện ở việc thành lập các pháp nhân mới, thay đổi tên gọi doanh nghiệp hoặc điều chỉnh mô hình xuất khẩu để tiếp tục duy trì việc tiếp cận thị trường với mức thuế thấp hơn hoặc bằng không.

Những hành vi này không chỉ làm suy giảm hiệu quả của các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đã được áp dụng nhằm khôi phục cạnh tranh công bằng, mà còn tạo ra sự méo mó trong dòng chảy thương mại, gây bất lợi cho ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu và làm gia tăng nguy cơ căng thẳng thương mại giữa các quốc gia. Do đó, việc nhận diện đầy đủ khái niệm và các hình thức lẩn tránh có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết kế và thực thi các biện pháp chống lẩn tránh hiệu quả, bảo đảm rằng các công cụ phòng vệ thương mại phát huy đúng vai trò và mục tiêu đã được đặt ra.

Cơ sở pháp lý quốc tế đối với biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp

Mặc dù các hiệp định cốt lõi của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), bao gồm Hiệp định chống bán phá giá (Anti-Dumping Agreement – ADA) và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures – SCM Agreement), không quy định một cách cụ thể, chi tiết về biện pháp chống lẩn tránh, song các nguyên tắc chung và mục tiêu cơ bản của các hiệp định này đã tạo ra nền tảng pháp lý quan trọng cho việc hình thành và áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh trong thực tiễn thương mại quốc tế. Trước hết, cả hai hiệp định đều nhằm mục tiêu bảo đảm cạnh tranh công bằng và ngăn chặn những tác động bóp méo thương mại do hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp gây ra, đồng thời cho phép các thành viên áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bằng chứng, thủ tục và mức độ áp dụng.

Trong bối cảnh đó, lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được xem là hành vi làm suy giảm hoặc vô hiệu hóa hiệu quả của các biện pháp đã được áp dụng hợp pháp, đi ngược lại tinh thần và mục tiêu bảo vệ cạnh tranh công bằng mà các hiệp định WTO hướng tới. Bên cạnh đó, các nguyên tắc chung của WTO như nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, đối xử công bằng về thủ tục và bảo đảm quyền tham gia của các bên liên quan cũng là cơ sở để các quốc gia xây dựng các quy định nội luật về chống lẩn tránh, miễn là việc áp dụng các biện pháp này không mang tính tùy tiện hoặc bảo hộ trá hình.

Thực tiễn giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO cho thấy, mặc dù chưa có nhiều vụ việc trực tiếp liên quan đến biện pháp chống lẩn tránh, các cơ quan giải quyết tranh chấp thường nhấn mạnh yêu cầu các biện pháp phòng vệ thương mại phải được áp dụng một cách hợp lý, dựa trên bằng chứng đầy đủ và phù hợp với mục tiêu khắc phục thiệt hại do hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp gây ra. Trên cơ sở đó, nhiều thành viên WTO, trong đó có Vương quốc Anh, đã vận dụng linh hoạt các nguyên tắc của hệ thống thương mại đa phương để xây dựng và thực thi các biện pháp chống lẩn tránh ở cấp quốc gia, coi đây là công cụ cần thiết nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, hiệu lực và hiệu quả lâu dài của các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, đồng thời vẫn duy trì sự phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế mà mình đã cam kết.

Khuôn khổ pháp lý về chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của Vương quốc Anh

Trong bối cảnh hậu Brexit, Vương quốc Anh đã chủ động xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý riêng về phòng vệ thương mại, trong đó các quy định về chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp giữ vai trò quan trọng nhằm bảo đảm hiệu lực và tính toàn vẹn của các biện pháp phòng vệ đã được áp dụng. Cơ sở pháp lý cho việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh của Vương quốc Anh được thiết lập trên nền tảng các đạo luật và văn bản dưới luật về phòng vệ thương mại quốc gia, kế thừa có chọn lọc các quy định của Liên minh châu Âu trước đây, đồng thời điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh thể chế, kinh tế và lợi ích quốc gia của Vương quốc Anh.

Trong khuôn khổ này, Cơ quan Phòng vệ Thương mại (Trade Remedies Authority – TRA) được giao vai trò trung tâm trong việc tiếp nhận, xem xét và tiến hành điều tra các hành vi bị nghi ngờ là lẩn tránh, trên cơ sở đánh giá toàn diện các yếu tố pháp lý và kinh tế liên quan. Pháp luật của Vương quốc Anh cho phép khởi xướng điều tra chống lẩn tránh khi có bằng chứng cho thấy các biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đang bị né tránh thông qua những thay đổi mang tính hình thức về sản phẩm, tuyến đường thương mại, cơ cấu sản xuất hoặc tổ chức doanh nghiệp, trong khi tác động bóp méo cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu vẫn tiếp diễn.

Kết quả điều tra có thể dẫn đến việc mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại hiện hành, bao gồm việc áp thuế đối kháng đối với các sản phẩm tương tự, các doanh nghiệp hoặc các quốc gia có liên quan đến hành vi lẩn tránh, nhằm bảo đảm rằng biện pháp ban đầu không bị vô hiệu hóa trên thực tế. Đồng thời, khuôn khổ pháp lý của Vương quốc Anh cũng đặt ra các yêu cầu chặt chẽ về thủ tục và tính minh bạch, bảo đảm quyền tham gia và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong suốt quá trình điều tra, phù hợp với các nguyên tắc của hệ thống thương mại đa phương. Cách tiếp cận này phản ánh nỗ lực của Vương quốc Anh trong việc cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất trong nước và yêu cầu duy trì một môi trường thương mại cởi mở, công bằng và dựa trên luật lệ, qua đó khẳng định vai trò của biện pháp chống lẩn tránh như một công cụ cần thiết nhưng phải được sử dụng một cách thận trọng, có căn cứ và phù hợp với các cam kết quốc tế.

Các tiêu chí xác định hành vi lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp trong thực tiễn điều tra của Vương quốc Anh

Trong thực tiễn điều tra chống lẩn tránh, cơ quan có thẩm quyền của Vương quốc Anh, mà nòng cốt là Cơ quan Phòng vệ Thương mại (Trade Remedies Authority – TRA), áp dụng cách tiếp cận tổng hợp dựa trên nhiều tiêu chí pháp lý và kinh tế nhằm xác định liệu các biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp hiện hành có đang bị né tránh hay không.

Trước hết, một tiêu chí quan trọng là mức độ thay đổi của sản phẩm, theo đó TRA đánh giá liệu sản phẩm bị nghi ngờ lẩn tránh có khác biệt đáng kể về đặc tính vật lý, công dụng, quy trình sản xuất và giá trị sử dụng so với sản phẩm ban đầu bị áp thuế hay không; trong trường hợp sự khác biệt chỉ mang tính nhỏ hoặc hình thức, cơ quan điều tra có cơ sở để kết luận rằng bản chất hàng hóa không thay đổi và hành vi lẩn tránh có thể đã xảy ra. Bên cạnh đó, mối liên hệ giữa sản phẩm bị áp thuế và sản phẩm bị nghi ngờ lẩn tránh cũng được xem xét kỹ lưỡng, bao gồm sự tương đồng về nguồn nguyên liệu, công nghệ sản xuất, kênh phân phối và nhóm khách hàng mục tiêu.

Một tiêu chí quan trọng khác là sự thay đổi bất thường của dòng chảy thương mại, thể hiện qua việc gia tăng đột biến lượng nhập khẩu từ các quốc gia hoặc doanh nghiệp không bị áp thuế ngay sau khi biện pháp phòng vệ thương mại được ban hành, trong khi nhập khẩu từ các nguồn bị áp thuế lại sụt giảm tương ứng. Ngoài ra, TRA còn xem xét bản chất và mức độ của các hoạt động lắp ráp, gia công hoặc hoàn thiện được thực hiện tại nước thứ ba hoặc tại chính Vương quốc Anh, nhằm đánh giá liệu các hoạt động này có tạo ra giá trị gia tăng thực chất hay chỉ mang tính hình thức nhằm né tránh nghĩa vụ thuế phòng vệ thương mại. Động cơ kinh tế của doanh nghiệp và các chủ thể liên quan cũng là yếu tố quan trọng, khi cơ quan điều tra phân tích lợi ích đạt được từ việc lẩn tránh so với việc tuân thủ biện pháp phòng vệ thương mại, cũng như thời điểm và cách thức triển khai các thay đổi trong chuỗi cung ứng.

Thông qua việc xem xét toàn diện các tiêu chí nêu trên, cơ quan chức năng của Vương

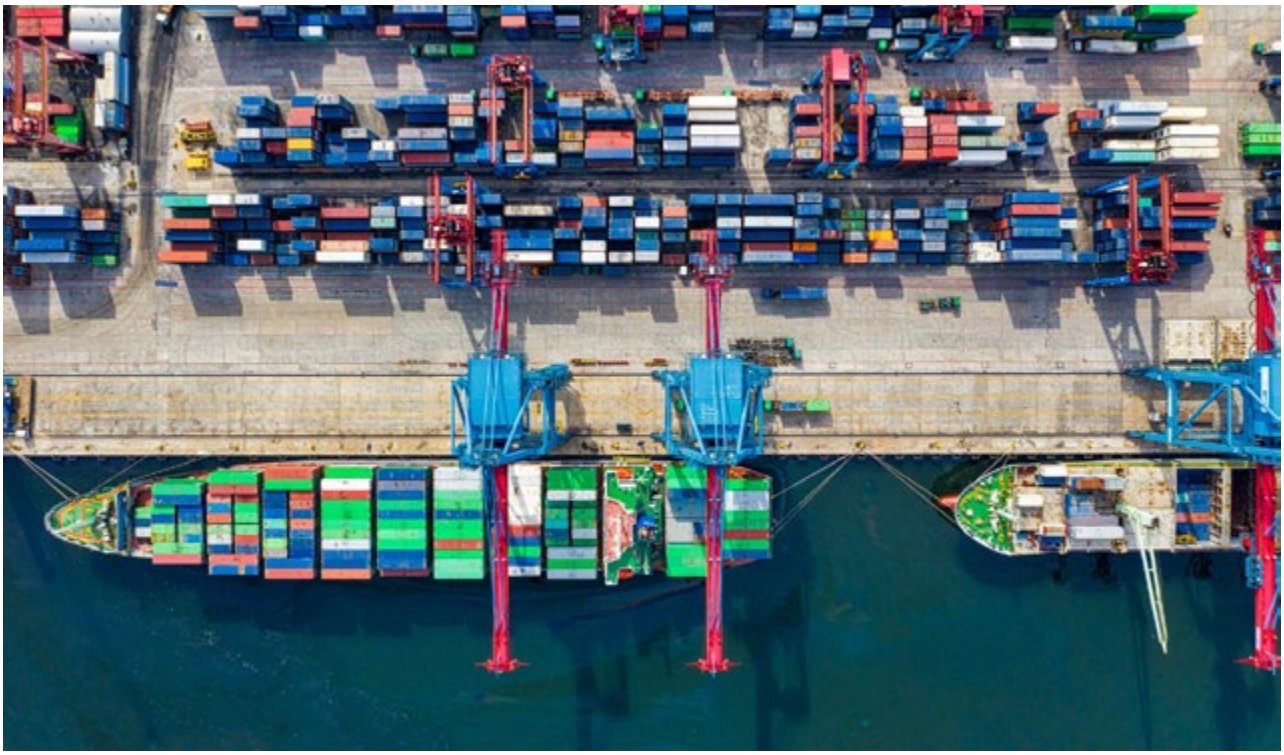

quốc Anh hướng tới việc đưa ra kết luận khách quan, có căn cứ và phù hợp với các nguyên tắc của hệ thống thương mại quốc tế, bảo đảm rằng biện pháp chống lẩn tránh được áp dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và không gây ra những rào cản thương mại không cần thiết.

Tác động của biện pháp chống lẩn tránh đối với thương mại và doanh nghiệp

Biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp của Vương quốc Anh có tác động sâu rộng và đa chiều đối với thương mại quốc tế cũng như hoạt động của doanh nghiệp, vừa góp phần bảo đảm hiệu lực và tính toàn vẹn của các biện pháp phòng vệ thương mại đã được áp dụng, vừa tạo ra những thách thức đáng kể đối với các chủ thể tham gia thị trường. Trên phương diện tích cực, việc áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh giúp ngăn chặn tình trạng các doanh nghiệp xuất khẩu lợi dụng những khoảng trống pháp lý hoặc sự khác biệt trong quy định về xuất xứ, phân loại hàng hóa và quy trình sản xuất để né tránh nghĩa vụ thuế phòng vệ thương mại, qua đó bảo vệ ngành sản xuất trong nước của Vương quốc Anh trước sự cạnh tranh không công bằng và duy trì môi trường cạnh tranh bình đẳng. Điều này góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp nội địa, tạo điều kiện cho đầu tư, đổi mới công nghệ và phát triển bền vững trong dài hạn.

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, biện pháp chống lẩn tránh cũng làm gia tăng đáng kể chi phí tuân thủ và mức độ rủi ro pháp lý đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế đang phát triển, khi phải đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về minh bạch hóa chuỗi cung ứng, chứng minh xuất xứ hàng hóa và mức độ gia công – chế biến thực chất. Doanh nghiệp không chỉ phải cung cấp thông tin chi tiết về hoạt động sản xuất, cấu trúc chi phí và mối liên hệ với các pháp nhân khác, mà còn phải theo dõi sát sao các thay đổi trong chính sách thương mại của thị trường nhập khẩu để kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh. Bên cạnh đó, nguy cơ bị mở rộng phạm vi áp dụng thuế phòng vệ thương mại, kể cả trong trường hợp không trực tiếp bị áp thuế ban đầu, khiến môi trường kinh doanh trở nên khó dự đoán hơn và có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư, tổ chức lại chuỗi cung ứng và lựa chọn thị trường xuất khẩu. Trong bối cảnh đó, biện pháp chống lẩn tránh của Vương quốc Anh không chỉ tác động đến chi phí và khả năng tiếp cận thị trường của doanh nghiệp, mà còn buộc các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu phải điều chỉnh cách thức thiết kế chính sách hỗ trợ, mô hình sản xuất và chiến lược hội nhập thương mại theo hướng phù hợp hơn với các quy tắc của hệ thống thương mại quốc tế. Do đó, mặc dù là công cụ cần thiết để bảo đảm cạnh tranh công bằng, việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh cần được thực hiện một cách minh bạch, có căn cứ

và cân bằng lợi ích, nhằm tránh tạo ra những rào cản thương mại không cần thiết và góp phần duy trì sự ổn định, bền vững của quan hệ thương mại giữa Vương quốc Anh và các đối tác.

Biện pháp chống lẩn tránh của Vương quốc Anh trong bối cảnh hậu Brexit

Trong bối cảnh hậu Brexit, Vương quốc Anh có điều kiện và dư địa lớn hơn để chủ động xây dựng, điều chỉnh và thực thi các biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp phù hợp với lợi ích kinh tế – thương mại quốc gia, đồng thời vẫn bảo đảm tuân thủ các cam kết quốc tế trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới. Việc rời khỏi Liên minh châu Âu cho phép Vương quốc Anh thiết lập một hệ thống phòng vệ thương mại độc lập, linh hoạt hơn trong việc xác định phạm vi áp dụng, tiêu chí đánh giá và mức độ can thiệp đối với các hành vi bị coi là lẩn tránh, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào cơ chế chung của EU như trước đây.

Trong khuôn khổ này, Cơ quan Phòng vệ Thương mại (Trade Remedies Authority – TRA) đóng vai trò trung tâm trong việc giám sát các dòng chảy thương mại, phát hiện kịp thời các dấu hiệu lẩn tránh và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp, trên cơ sở cân nhắc không chỉ thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước mà còn cả lợi ích kinh tế tổng thể của Vương quốc Anh. Tuy nhiên, sự gia tăng quyền tự chủ trong chính sách phòng vệ thương mại cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và nhất quán trong thực thi, nhằm tránh nguy cơ lạm dụng biện pháp chống lẩn tránh như một hình thức bảo hộ trá hình có thể làm suy yếu niềm tin của các đối tác thương mại.

Đồng thời, trong bối cảnh Vương quốc Anh đang tích cực mở rộng và tái định hình mạng lưới các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh cần được cân nhắc thận trọng để không tạo ra xung đột với các cam kết mở cửa thị trường và các mục tiêu thúc đẩy thương mại, đầu tư.

Do đó, biện pháp chống lẩn tránh trong bối cảnh hậu Brexit không chỉ là công cụ kỹ thuật nhằm bảo vệ hiệu quả của các biện pháp phòng vệ thương mại, mà còn là một yếu tố quan trọng trong chiến lược thương mại tổng thể của Vương quốc Anh, phản ánh nỗ lực cân bằng giữa bảo vệ ngành sản xuất trong nước, duy trì môi trường cạnh tranh công bằng và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế một cách bền vững.

8. Kết luận

Biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp của Vương quốc Anh là một bộ phận quan trọng trong hệ thống phòng vệ thương mại quốc gia, được xây dựng nhằm bảo đảm hiệu lực và tính toàn vẹn của các biện pháp phòng vệ thương mại đã được áp dụng hợp pháp, đồng thời duy trì môi trường cạnh tranh công bằng cho ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng phức tạp. Trên cơ sở kế thừa các nguyên tắc của hệ thống thương mại đa phương và điều chỉnh phù hợp với điều kiện hậu Brexit, Vương quốc Anh đã thiết lập một khuôn khổ pháp lý và thể chế tương đối đầy đủ, với vai trò trung tâm của Cơ quan Phòng vệ Thương mại trong việc giám sát, điều tra và xử lý các hành vi lẩn tránh.

Thực tiễn cho thấy, các biện pháp chống lẩn tránh góp phần ngăn chặn hiệu quả các hành vi lợi dụng khoảng trống pháp lý để né tránh nghĩa vụ thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp, qua đó bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước và củng cố niềm tin vào tính hiệu quả của các công cụ phòng vệ thương mại. Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp này cũng tạo ra những tác động nhất định đối với thương mại quốc tế và các đối tác xuất khẩu, khi làm gia tăng chi phí tuân thủ, rủi ro pháp lý và yêu cầu cao hơn về minh bạch chuỗi cung ứng, đặc biệt đối với các doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế đang phát triển.

Trong bối cảnh đó, biện pháp chống lẩn tránh của Vương quốc Anh không chỉ là công cụ kỹ thuật nhằm xử lý các hành vi né tránh thuế, mà còn trở thành yếu tố định hình chiến lược thương mại và quan hệ kinh tế đối ngoại của quốc gia này trong dài hạn. Đối với các nước và doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, việc hiểu rõ khuôn khổ pháp lý, tiêu chí áp dụng và xu hướng thực thi biện pháp chống lẩn tránh của Vương quốc Anh có ý nghĩa then chốt trong việc xây dựng chiến lược sản xuất – xuất khẩu bền vững, nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật và chủ động ứng phó với các rủi ro phòng vệ thương mại. Nhìn chung, việc sử dụng biện pháp chống lẩn tránh cần được thực hiện một cách minh bạch, có căn cứ và cân bằng lợi ích, nhằm vừa bảo vệ cạnh tranh công bằng, vừa duy trì một hệ thống thương mại quốc tế ổn định, cởi mở và dựa trên luật lệ.

Các hình thức lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại phổ biến theo quy định của Vương Quốc Anh (UK) mà doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý

1. Sửa đổi nhỏ để thay đổi mã HS (Minor Modification of Goods)

1.1. Bản chất hành vi theo quy định UK

Theo Regulation 73, khoản 3(a), hành vi "sửa đổi nhỏ để thay đổi mã HS" xảy ra khi:

Doanh nghiệp thực hiện một hoặc vài thay đổi nhỏ đối với sản phẩm đã bị áp thuế chống bán phá giá (AD) hoặc thuế chống trợ cấp (CVD).

Mục tiêu là đổi mã HS của sản phẩm để hàng hóa không còn nằm trong phạm vi áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

Điều kiện quan trọng: thay đổi này không làm thay đổi bản chất cơ bản của sản phẩm. Nói cách khác, sản phẩm vẫn giống hệt về chức năng, công dụng và cấu trúc chính.

Điều này thể hiện rõ ý đồ của UK: các doanh nghiệp không thể chỉ "thay áo" cho hàng hóa để lẩn tránh thuế; nếu tính chất thực tế của sản phẩm không thay đổi, mọi nỗ lực tránh thuế đều có thể bị coi là lẩn tránh.

1.2. Dấu hiệu nhận diện hành vi

Doanh nghiệp hoặc cơ quan điều tra có thể nhận diện hành vi này dựa trên các dấu hiệu sau:

Thay đổi về cấu tạo hoặc chi tiết nhỏ:

Thêm/giảm một phụ kiện, một lớp phủ, một chi tiết không quan trọng.

Ví dụ: thép mạ, chỉ thay đổi độ dày lớp mạ 0,1–0,5mm.

Thay đổi bao bì, nhãn hoặc đóng gói:

Dán nhãn "Made in Vietnam" nhưng hình thức đóng gói mới để phân loại sang mã HS khác.

Bao bì khác nhưng sản phẩm bên trong không thay đổi.

Điều chỉnh thông số kỹ thuật nhỏ:

Không ảnh hưởng tới tính năng chính hoặc chất lượng sử dụng.

Ví dụ: thay đổi màu sơn, kiểu dáng tay cầm, kích thước vi mô.

Khai báo sai mã HS hoặc mô tả hàng hóa:

Khai mã HS khác để tránh rơi vào phạm vi áp thuế.

Hàng hóa vẫn thuộc cùng loại nhưng được phân loại vào nhóm ít chịu thuế hơn.

1.3. Ví dụ thực tế trong các ngành xuất khẩu Việt Nam

Ngành	Hình thức sửa đổi	Mục tiêu
Thép	Thay đổi độ dày lớp mạ hoặc lớp bảo vệ	Tránh mã HS áp thuế chống bán phá giá
Gỗ và nội thất	Thay đổi màu sơn, tay cầm, chi tiết trang trí	Chuyển mã HS từ sản phẩm hoàn thiện sang vật liệu thô
Pin năng lượng	Thay đổi khung, vỏ mà không ảnh hưởng hiệu suất	Lẩn tránh thuế AD/CVD, xuất khẩu vào EU/UK
Điện tử, linh kiện	Thay đổi thông số kỹ thuật nhỏ	Được phân loại sang mã HS "khác" không chịu thuế

2. Chuyển tải qua nước thứ ba (Transshipment via Third Countries)

2.1. Bản chất hành vi theo quy định UK

Theo Regulation 73, khoản 3(b), hành vi chuyển tải qua nước thứ ba xảy ra khi:

Hàng hóa từ quốc gia đang bị áp thuế hoặc có trợ cấp được vận chuyển qua một nước thứ ba trước khi xuất khẩu đến Vương quốc Anh (UK).

Mục đích là ngụy trang xuất xứ hoặc thay đổi mô hình thương mại, để hàng hóa không còn bị áp thuế AD/CVD.

Không có hoạt động sản xuất hoặc gia công đáng kể tại nước trung chuyển.

Điều này thể hiện rõ quan điểm của UK: bất kỳ hành vi tái xuất hàng hóa qua nước thứ ba nhằm lẩn tránh thuế đều có thể bị coi là lẩn tránh, trừ khi có lý do kinh tế hợp pháp.

2.2. Dấu hiệu nhận diện hành vi

Các dấu hiệu thường gặp giúp cơ quan điều tra xác định hành vi này:

Sự thay đổi đột ngột trong mô hình thương mại

Lượng hàng xuất sang UK từ nước trung chuyển tăng bất thường.

Khối lượng nhập khẩu từ nước thứ ba lớn nhưng không tương xứng với năng lực sản xuất tại đó.

Thiếu hoạt động sản xuất thực chất tại nước trung chuyển

Chỉ có các công đoạn như đóng gói, dán nhãn hoặc phân loại lại.

Thời gian lưu kho rất ngắn, không đủ cho quy trình sản xuất đáng kể.

Hồ sơ và chứng từ không minh bạch

Chứng nhận xuất xứ (C/O) từ nước thứ ba nhưng không có hoạt động sản xuất thực tế.

Hóa đơn, vận đơn và hồ sơ xuất xứ không khớp nhau.

Quan hệ giữa các bên trong chuỗi xuất khẩu

Doanh nghiệp trung chuyển có quan hệ mật thiết với nhà xuất khẩu từ nước bị áp thuế.

Doanh nghiệp trung chuyển lập ra chỉ nhằm mục đích tái xuất, không có khách hàng nội địa thực sự.

1.3. Ví dụ thực tế

Ngành	Hình thức chuyển tải	Mục tiêu
Thép	Nhập thép từ Trung Quốc, lưu kho ngắn hạn tại Singapore, xuất sang UK	Lẩn tránh thuế chống bán phá giá
Gỗ	Nhập gỗ thành phẩm từ Indonesia → Malaysia → UK	Ngụy trang xuất xứ, tránh thuế AD/CVD
Pin năng lượng	Nhập cell từ Trung Quốc → lắp ráp tối thiểu tại Việt Nam → UK	Chuyển đổi xuất xứ, giảm thuế
Điện tử	Linh kiện nhập từ nước bị áp thuế → đóng gói ở nước thứ ba	Tránh mã HS bị áp thuế

3. Tổ chức lại kênh bán hàng qua doanh nghiệp có mức thuế thấp (Reorganisation of Sales Channels)

3.1. Bản chất hành vi theo quy định UK

Theo Regulation 73, khoản 3(c), hành vi này xảy ra khi:

Doanh nghiệp ở nước xuất khẩu đang bị áp thuế tái cấu trúc hệ thống bán hàng hoặc phân phối để xuất khẩu sang UK thông qua một doanh nghiệp khác.

Mục tiêu là để hàng hóa được áp mức thuế thấp hơn hoặc tránh một phần thuế AD/CVD áp dụng trực tiếp cho nhà xuất khẩu gốc.

Các thay đổi này không dựa trên lý do kinh tế hợp pháp, mà chỉ nhằm tránh mức thuế cao đang áp dụng.

Điều này thể hiện rằng UK coi việc thay đổi kênh bán hàng nhằm lẩn tránh thuế là hành vi lẩn tránh, ngay cả khi hàng hóa không thay đổi về bản chất.

3.2. Dấu hiệu nhận diện hành vi

Xuất khẩu "vòng" qua doanh nghiệp hưởng mức thuế thấp hơn

Hàng hóa từ nhà xuất khẩu chính chuyển qua một công ty trung gian hoặc chi nhánh với mức thuế thấp hơn.

Mối quan hệ giữa các doanh nghiệp

Công ty trung gian có liên kết mật thiết với nhà xuất khẩu gốc (cùng cổ đông, cùng chủ sở hữu, hợp đồng dài hạn không minh bạch).

Thời điểm thay đổi kênh bán hàng

Thường diễn ra trùng với thời điểm áp thuế AD/CVD hoặc ngay trước/ sau khi thuế được công bố.

Sự khác biệt giữa giá bán và giá trị thực tế

Giá bán giữa các công ty trong chuỗi bị thao túng để giảm mức thuế thực tế phải trả.

1.3. Ví dụ thực tế

Ngành	Hình thức tái cấu trúc	Mục tiêu
Thép	Xuất qua công ty "vỏ bọc" trong cùng nước xuất khẩu, hưởng mức thuế thấp hơn	Lẩn tránh thuế AD/CVD áp dụng cho nhà xuất khẩu gốc
Gỗ và nội thất	Chuyển qua doanh nghiệp phân phối, khai báo lô hàng là của doanh nghiệp trung gian	Tránh bị áp thuế bổ sung
Pin năng lượng mặt trời	Xuất khẩu thông qua công ty chi nhánh có mức thuế ưu đãi	Giảm chi phí thuế và tránh bị TRA điều tra trực tiếp

Ngành	Hình thức tái cấu trúc	Mục tiêu
Điện tử	Thay đổi doanh nghiệp xuất khẩu để khai báo mức thuế thấp hơn	Giảm thuế AD/CVD, tăng lợi nhuận xuất khẩu

4. Lắp ráp tại nước thứ ba hoặc tại UK (Assembly Operations)

4.1. Bản chất hành vi theo quy định UK

Theo Regulation 73, khoản 3(d) và khoản 4, hành vi lắp ráp xảy ra khi:

Các phần linh kiện hoặc sản phẩm được nhập khẩu từ nước đang bị áp thuế AD/CVD.

Doanh nghiệp tiến hành lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm tại nước thứ ba hoặc ngay tại UK.

Mục tiêu là tái xuất thành sản phẩm mới hoặc hoàn chỉnh, nhằm lẩn tránh thuế AD/CVD.

Điều kiện để coi là lẩn tránh bao gồm:

Lắp ráp bắt đầu hoặc tăng mạnh ngay trước hoặc sau khi điều tra thuế bắt đầu.

≥60% giá trị linh kiện nhập từ nước đang bị áp thuế.

Giá trị gia tăng tại nước lắp ráp <25% tổng chi phí sản xuất.

Sản phẩm lắp ráp làm suy yếu hiệu quả thuế phòng vệ (về giá hoặc số lượng) và vẫn tồn tại dấu hiệu phá giá hoặc hưởng trợ cấp.

Như vậy, UK xem việc lắp ráp giả tạo xuất xứ hoặc tạo giá trị giả để lẩn tránh thuế là hành vi lẩn tránh.

4.2. Dấu hiệu nhận diện hành vi

Thời điểm hoạt động lắp ráp

Lắp ráp bắt đầu gần thời điểm áp thuế AD/CVD.

Sự gia tăng sản lượng lắp ráp đột biến trùng với điều tra thuế.

Tỷ lệ giá trị linh kiện

≥60% giá trị linh kiện từ nước đang bị áp thuế.

Giá trị gia tăng tại nơi lắp ráp <25% tổng chi phí.

Thiếu thay đổi bản chất sản phẩm

Lắp ráp chỉ thực hiện các bước đơn giản: nối các bộ phận, đóng gói, dán nhãn.

Sản phẩm hoàn chỉnh vẫn giống hệt về tính năng, cấu tạo và chất lượng so với linh kiện gốc.

Ảnh hưởng đến hiệu quả biện pháp thuế

Giá hoặc khối lượng sản phẩm xuất khẩu làm giảm hiệu quả AD/CVD đã áp dụng.

Thậm chí có thể gây ra dumping hoặc hưởng trợ cấp gián tiếp cho hàng lắp ráp.

4.3. Ví dụ thực tế

Ngành	Hình thức lắp ráp	Mục tiêu
Điện tử	Nhập linh kiện từ Trung Quốc, lắp ráp tối thiểu tại Việt Nam hoặc Malaysia → xuất sang UK	Tránh bị áp thuế AD/CVD vào linh kiện gốc
Pin năng lượng mặt trời	Nhập cell từ nước bị áp thuế, lắp ráp thành mô-đun tại nước thứ ba	Ngụy trang xuất xứ, giảm thuế AD/CVD
Xe đạp	Nhập khung và bánh từ Trung Quốc, lắp ráp tại Việt Nam → xuất sang UK	Tránh bị áp thuế chống bán phá giá cho xe đạp hoàn chỉnh
Thép	Nhập thép mạ, cắt/lắp ghép nhẹ tại nước thứ ba trước khi xuất sang UK	Lẩn tránh thuế AD/CVD áp cho thép thành phẩm

Quy trình điều tra vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Vương quốc Anh

1. Khởi xướng điều tra (Initiation of Investigation)

Giai đoạn khởi xướng điều tra là bước đầu tiên và có vai trò quyết định trong toàn bộ quy trình điều tra lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại. Quyết định khởi xướng chỉ được ban hành khi cơ quan điều tra của Vương quốc Anh (UK Trade Remedies Authority – TRA) xác định có đủ căn cứ sơ bộ về hành vi lẩn tránh và thiệt hại tiếp diễn đối với ngành sản xuất trong nước.

1.1. Cơ sở pháp lý và chủ thể yêu cầu

Hồ sơ yêu cầu điều tra có thể do:

Ngành sản xuất trong nước (hoặc đại diện hợp lệ) nộp,

Cơ quan quản lý nhà nước chủ động đề xuất (ex officio) trong trường hợp có dấu hiệu rõ ràng của hành vi lẩn tránh.

Điều kiện về đại diện sự kiện: doanh nghiệp yêu cầu phải chiếm tỷ lệ sản xuất hoặc giá trị sản lượng đáng kể (ví dụ: >50% sản lượng của ngành).

1.2. Nội dung hồ sơ yêu cầu khởi xướng

Hồ sơ phải cung cấp **chứng cứ sơ bộ** về:

Hàng hóa xuất khẩu có **"chuyển đổi không đáng kể"** về đặc tính, mã HS hoặc xuất xứ để né thuế.

Dòng chảy thương mại **bất thường** (sudden trade shift) sang quốc gia/vùng lãnh thổ khác sau khi biện pháp phòng vệ được áp dụng.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi lẩn tránh và **thiệt hại tiếp tục** đối với ngành sản xuất nội địa.

Thông tin về doanh nghiệp liên quan, mô hình gia công – trung chuyển – tái xuất.

Nếu thiếu chứng cứ hoặc thông tin, cơ quan điều tra có quyền yêu cầu bổ sung.

1.3. Xem xét hồ sơ và đánh giá đủ điều kiện

Cơ quan điều tra tiến hành:

Thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo tiêu chuẩn luật định.

Đánh giá sơ bộ sự tồn tại của hành vi lẩn tránh:

Chuyển tải hàng hóa qua nước thứ ba (*transshipment*)

Thay đổi nhỏ về cấu trúc sản phẩm (*minor alterations*)

Sử dụng nguyên liệu từ nước đang bị áp thuế để sản xuất tại nước khác (*assembly operations*)

Việc khởi xướng không yêu cầu chứng minh đầy đủ mà chỉ cần **"nghi ngờ hợp lý dựa trên chứng cứ khách quan"**.

1.4. Quyết định khởi xướng và nghĩa vụ thông báo

Khi có căn cứ sơ bộ, cơ quan điều tra sẽ:

Ban hành quyết định khởi xướng điều tra bằng văn bản.

Công bố thông tin rộng rãi trên phương tiện chính thức.

Gửi thông báo đến:

Chính phủ các nước liên quan,

Doanh nghiệp xuất khẩu,

Nhà nhập khẩu và các bên liên quan khác.

Thông báo phải nêu rõ:

Cơ sở pháp lý,

Phạm vi sản phẩm bị điều tra,

Hình thức lẩn tránh bị cáo buộc,

Thời kỳ điều tra dự kiến,

Quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quá trình tham gia điều tra.

1.5. Mời tham gia và thu thập thông tin ban đầu

Ngay sau khi khởi xướng:

Cơ quan điều tra phát hành **bảng câu hỏi (questionnaire)** cho các bên liên quan.

Thiết lập thời hạn trả lời nhằm thu thập dữ liệu sản xuất – xuất khẩu – giá cả.

Tổ chức tham vấn ban đầu khi có yêu cầu.

Doanh nghiệp có thể đề nghị bảo mật thông tin thương mại nếu có căn cứ hợp lý.

2. Điều tra và phân tích (Investigation & Analysis)

Giai đoạn điều tra và phân tích là trung tâm của **điều tra chống lẩn tránh**, trong đó TRA (UK Trade Remedies Authority) thu thập, đánh giá thông tin để xác định xem có tồn tại hành vi né tránh (circumvention) biện pháp CBPG/CTC hay không. Nội dung của phần này được tổ chức theo các bước chính mà TRA sử dụng, kết hợp với các tiêu chí đánh giá theo quy định.

2.1 Thông báo và thu thập thông tin ban đầu

Sau khi khởi xướng điều tra, TRA **công bố thông báo khởi xướng** (initiation notice) qua Trade Remedies Service, mời các bên quan tâm (interested parties) đăng ký tham gia vụ việc.

TRA yêu cầu các bên (ngành sản xuất UK, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nước thứ ba nếu liên quan) cung cấp thông tin thông qua bảng câu hỏi (questionnaires) hoặc các bản tường trình (submissions).

Trong thông tin yêu cầu, TRA có thể yêu cầu các chi tiết

về: mô hình thương mại, luồng nhập khẩu, giá cả, chi phí sản xuất, quan hệ sở hữu giữa các công ty, chuỗi cung ứng, và mọi thay đổi về quá trình sản xuất hoặc gia công.

2.2 Xác minh và đánh giá tính xác thực của thông tin

TRA kiểm tra xem thông tin do các bên cung cấp có **khả năng kiểm chứng** hay không – tức là TRA sử dụng "verifiable" dữ liệu từ các nguồn (primary source) hoặc các bên thứ ba.

Nếu cần, TRA tiến hành **xác minh thực địa** (onsite verification): kiểm tra tại nhà máy, kho bãi hoặc văn phòng để đánh giá quá trình sản xuất, cấu trúc sở hữu, chuỗi cung ứng.

Trong trường hợp thông tin từ một bên không hợp tác hoặc không cung cấp đầy đủ, TRA có thể sử dụng dữ liệu "facts available" (sự kiện có sẵn) để đưa ra kết luận dựa trên những gì TRA biết. Điều này giúp TRA không bị ràng buộc nếu một bên từ chối hoặc hạn chế chia sẻ thông tin.

2.3 Phân tích các tiêu chí "lẩn tránh" (Circumvention Criteria)

TRA căn cứ vào các tiêu chí quy định để đánh giá xem có lẩn tránh hay không, bao gồm **Trade Remedies (Dumping and Subsidisation) (EU Exit) Regulations 2019**.

Ba yếu tố chính:

Thay đổi mô hình thương mại (Change in pattern of trade)

TRA xem xét sự thay đổi giữa việc nhập khẩu từ nước thứ ba (không nằm trong danh sách có biện pháp) sang UK, hoặc giữa các công ty xuất khẩu trong nước bị áp biện pháp và UK.

Đây là dấu hiệu quan trọng vì nếu hàng được chuyển hướng từ một quốc gia không bị đánh thuế, điều này có thể cho thấy mục đích né tránh.

Thiếu lý do kinh tế hợp lý (Insufficient Economic Justification)

TRA đánh giá xem các "practice, process or work" được sử dụng để thay đổi chuỗi xuất khẩu hoặc lắp ráp hàng hóa có thực sự mang lại lợi ích kinh tế khác ngoài việc tránh thuế.

Ví dụ, nếu chỉ có việc lắp ráp rất tối thiểu hoặc gia công rất đơn giản (minor alterations), TRA xem đó là dấu hiệu lẩn tránh nếu không thể chứng minh có lý do kinh tế hợp lý khác.

Thiệt hại hoặc giảm hiệu quả biện pháp (Injury / Undermining Remedial Effect)

TRA đánh giá xem việc thay đổi mô hình thương mại có dẫn đến việc **làm suy yếu hiệu quả của biện pháp CBPG/CTC** không, bằng cách phân tích ảnh hưởng tới khối lượng nhập khẩu (volume) và giá (price) so với trước khi thay đổi.

Nếu việc né tránh làm giảm tác dụng điều chỉnh giá hoặc số lượng hàng hóa bị đánh thuế, TRA có cơ sở khẳng định lẩn tránh.

Tồn tại bán phá giá / trợ cấp

TRA cũng cần xác nhận rằng hàng hóa liên quan vẫn đang bị bán phá giá hoặc được hưởng trợ cấp có hiệu lực. Nếu không có bán phá giá hoặc trợ cấp, mục tiêu thuế phòng vệ có thể không còn đúng hoặc cần điều chỉnh.

2.4 Phân tích quan hệ giữa các bên trong chuỗi xuất khẩu

TRA điều tra **mối quan hệ giữa các công ty trong chuỗi xuất khẩu** (export chain), chẳng hạn: công ty sản xuất gốc, công ty trung gian, công ty gia công tại nước thứ ba, nhà lắp ráp, nhà xuất khẩu sang UK. Việc này giúp TRA xác định liệu có sự tái cấu trúc chuỗi xuất khẩu nhằm né thuế.

Việc xác minh mối quan hệ sở hữu, hợp đồng, thỏa thuận gia công rất quan trọng để TRA hiểu được bản chất các cấu trúc thương mại mới.

2.5 Phân tích thời điểm và bản chất thay đổi thương mại

Thời điểm của các thay đổi: TRA xem xét liệu sự thay đổi trong mô hình thương mại xảy ra **sau khi biện pháp áp dụng** hay là phần của xu hướng lâu dài. Thời điểm thay đổi giúp xác định tính mục đích (intention) của việc thay đổi.

Bản chất của thay đổi: TRA phân biệt giữa thay đổi mang tính chiến lược để né thuế (ví dụ thay đổi điểm xuất xứ, tái cấu trúc phân phối) với thay đổi mang tính kinh doanh bình thường (ví dụ mở rộng thị trường, chuyển đổi logistic tự nhiên).

2.6 Đánh giá và tổng hợp kết quả phân tích, ban hành Kết luận sơ bộ

TRA tổng hợp các bằng chứng thu thập được (có/không hợp tác, quan hệ doanh nghiệp, dòng thương mại, chi phí, quá trình sản xuất) để đưa ra nhận định sơ bộ về việc có **lẩn tránh** hay không.

Dựa trên phân tích, TRA xác định các kịch bản có thể: không có lẩn tránh, hoặc lẩn tránh nhưng mức độ khác nhau giữa các nhà xuất khẩu, hoặc lẩn tránh từ quốc gia/thị trường thứ ba.

Nếu TRA xác định khả năng cao có lẩn tránh, họ sẽ tiến tới

bước **khuyến nghị điều chỉnh biện pháp** (sẽ nêu rõ trong báo cáo cuối cùng).

3. Kết luận và áp dụng biện pháp (Outcome & Measures)

Sau khi hoàn tất giai đoạn điều tra và phân tích, TRA tiến hành **tổng hợp kết quả và đưa ra khuyến nghị** về việc duy trì, điều chỉnh hoặc mở rộng các biện pháp CBPG/CTC để đảm bảo hiệu quả bảo vệ ngành sản xuất nội địa.

3.1 Các kết quả có thể của điều tra chống lẩn tránh

TRA có thể đưa ra một trong các kết luận sau:

Duy trì biện pháp hiện hành

Áp dụng khi:

Không đủ bằng chứng chứng minh hành vi lẩn tránh;

Thay đổi mô hình thương mại hoặc quá trình sản xuất không gây tác động đáng kể đến hiệu quả biện pháp;

Trong trường hợp này, **thuế CBPG/CTC giữ nguyên**, không điều chỉnh phạm vi hay mức áp dụng.

Điều chỉnh hoặc mở rộng biện pháp

Áp dụng khi:

Tồn tại hành vi lẩn tránh được xác nhận;

Biện pháp hiện hành không còn đủ hiệu quả để ngăn chặn thiệt hại cho ngành sản xuất UK.

TRA có thể khuyến nghị:

Mở rộng biện pháp đối với **toàn bộ hoặc một phần hàng hóa** đang bị điều tra;

Áp dụng biện pháp đối với **hàng hóa từ nước thứ ba**, nếu hàng được tái xuất để né thuế;

Áp dụng **biện pháp riêng với từng nhà xuất khẩu**, khi có sự tái cấu trúc chuỗi xuất khẩu và mức độ lẩn tránh khác nhau.

3.2 Nguyên tắc áp dụng biện pháp

Tính mục tiêu (Targeted)

Biện pháp chỉ áp dụng với các đối tượng thực sự tham gia lẩn tránh;

Tránh ảnh hưởng tới các nhà xuất khẩu hoặc doanh nghiệp tuân thủ.

Tỷ lệ tương xứng (Proportionality)

Mức thuế hoặc điều chỉnh phải phù hợp với mức độ lẩn tránh;

TRA cân nhắc tác động kinh tế đối với ngành sản xuất UK và thị trường nhập khẩu.

Minh bạch và khả năng rà soát

Báo cáo kết quả điều tra được công bố công khai;

Các bên liên quan được quyền **phản hồi hoặc đề nghị rà soát lại** nếu phát hiện sai sót về dữ liệu hoặc phương pháp tính toán.

3.3 Quy trình công bố và phản hồi

Công bố báo cáo kết luận

TRA công bố báo cáo chi tiết:

Phân tích chứng cứ, mô hình thương mại, quá trình sản xuất;

Các yếu tố dẫn đến nhận định lẩn tránh;

Khuyến nghị về biện pháp điều chỉnh hoặc duy trì.

Tham vấn và phản hồi

Các bên liên quan có cơ hội nộp ý kiến phản hồi trước khi **quyết định cuối cùng** được ban hành;

TRA xem xét các phản hồi này để điều chỉnh mức áp dụng nếu cần.

3.4 Mục tiêu cuối cùng của điều tra chống lẩn tránh

Bảo đảm **hiệu quả của biện pháp CBPG/CTC**;

Ngăn chặn hành vi né tránh thuế bằng cách thay đổi luồng thương mại hoặc quy trình sản xuất;

Đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng cho ngành sản xuất trong nước;

Cung cấp **minh bạch và dự đoán được** cho doanh nghiệp xuất khẩu về các hành vi bị coi là lẩn tránh

Thực tiễn điều tra, áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Vương Quốc Anh (UK) với các nước và với Việt Nam

1. Số lượng & mức độ vụ việc chống lẩn tránh đã được Anh khởi xướng

1.1 Tóm tắt chung

TRA (UK Trade Remedies Authority) đảm nhiệm điều tra các vụ CBPG/CTC kể từ khi cơ quan này chính thức hoạt động sau Brexit. Cơ quan này có thẩm quyền tiến hành các thủ tục rà soát chống lẩn tránh (circumvention review) và rà soát miễn trừ (exemption review).

Số lượng vụ việc mang nhãn "chống lẩn tránh" do TRA trực tiếp khởi xướng kể từ 2021 đến nay rất hạn chế. So với EU hoặc một số đối tác thương mại khác, Anh ít khởi xướng điều tra lẩn tránh độc lập, thay vào đó thường xử lý thông qua exemption reviews hoặc lồng ghép nội dung lẩn tránh trong quá trình rà soát, duy trì biện pháp.

1.2 Danh mục vụ việc công khai

Một số vụ việc điển hình có liên quan đến chống lẩn tránh:

Exemption review – bộ phận xe đạp (bicycle parts): TRA mở thủ tục exemption review theo đề nghị của nhà nhập khẩu để xem xét quyền miễn trừ khỏi biện pháp áp dụng cho một số bộ phận xe đạp. Đây là ví dụ điển hình về cách TRA xử lý lẩn tránh theo hướng miễn trừ đối tượng cụ thể thay vì áp dụng một biện pháp toàn ngành.

Các vụ thừa hưởng từ EU: Một số vụ lẩn tránh vốn được EU tiến hành trước Brexit được chuyển giao sang hệ thống của Anh. Các trường hợp này phần lớn được xử lý thông qua exemption review hoặc duy trì biện pháp chuyển tiếp.

1.3 Phân loại theo ngành / loại sản phẩm / nước bị điều tra

Ngành sản phẩm:

Bộ phận xe đạp (từ Trung Quốc).

Nước liên quan:

Trung Quốc là nước xuất hiện thường xuyên nhất trong các vụ việc liên quan đến lẩn tránh.

1.4 Xu hướng theo thời gian

Từ khi TRA đi vào hoạt động (2021 đến nay), số vụ việc chính thức gắn nhãn "circumvention review" không có.

Hoạt động chống lẩn tránh chủ yếu được phản ánh qua exemption reviews hoặc lồng ghép trong quá trình rà soát duy trì biện pháp. Vì vậy, khó có thể thiết lập một biểu đồ xu hướng rõ ràng về số lượng vụ việc chống lẩn tránh.

1.5 Đánh giá về mức độ

Các exemption review như vụ bộ phận xe đạp có quy mô hẹp, chỉ áp dụng cho nhà nhập khẩu hoặc sản phẩm cụ thể.

1.6 Kết luận

Anh mới chỉ khởi xướng rất ít vụ việc chống lẩn tránh độc lập; phần lớn nội dung lẩn tránh được xử lý qua exemption review hoặc trong bối cảnh rà soát biện pháp đang áp dụng.

Chưa có bằng chứng về việc TRA khởi xướng điều tra chống lẩn tránh đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam, mặc dù Việt Nam nằm trong nhóm nước được cân nhắc khi áp dụng phân bổ hạn ngạch thép.

Nhìn chung, quy mô và mức độ các vụ việc chống lẩn tránh tại Anh còn hạn chế so với các đối tác thương mại lớn khác như EU.

2. Cơ chế triển khai điều tra chống lẩn tránh của UK (TRA)

2.1 Phương thức khảo sát, xác minh và nguồn dữ liệu

Khảo sát và bảng câu hỏi (questionnaires): TRA thường phát hành bảng câu hỏi cho các bên liên quan bao gồm nhà sản xuất/xuất khẩu tại nước bị điều tra, nhà nhập khẩu tại Anh, các hiệp hội ngành hàng. Bảng hỏi tập trung vào luồng hàng hóa, quy trình sản xuất, giá trị gia tăng và bằng chứng về việc thay đổi xuất xứ.

Nguồn dữ liệu chính: dữ liệu nhập khẩu từ hải quan Anh (UK customs), số liệu thương mại từ HM Revenue & Customs và từ các cơ sở dữ liệu thương mại quốc tế (UN Comtrade, Global Trade Atlas). Dữ liệu này được sử dụng để xác định xu hướng bất thường như tăng đột biến nhập khẩu từ một nước trung gian sau khi áp biện pháp.

Xác minh thực địa: trong trường hợp cần thiết, TRA có thể tiến hành xác minh trực tiếp tại cơ sở sản xuất ở nước bị điều tra hoặc làm việc trực tuyến/qua cơ quan đại diện ngoại giao để đối chiếu chứng từ. Tuy nhiên, do giới hạn nguồn lực và kinh nghiệm còn mới, số vụ xác minh thực địa thực sự chưa nhiều, chủ yếu dừng ở đối chiếu chứng từ hải quan và khai báo doanh nghiệp.

2.2 Thời gian trung bình của các giai đoạn

Khởi xướng điều tra: thông thường sau khi nhận được bằng chứng hợp lý về khả năng lẩn tránh, TRA công bố quyết định khởi xướng trong vòng 30–45 ngày kể từ khi có đơn yêu cầu hoặc phát hiện từ rà soát nội bộ.

Quá trình điều tra: giai đoạn điều tra và thu thập dữ liệu thường kéo dài **6–9 tháng**, tùy thuộc vào độ phức tạp và mức độ hợp tác của doanh nghiệp liên quan.

Kết luận và quyết định cuối cùng: tính từ ngày khởi xướng đến khi ban hành khuyến nghị cho Bộ trưởng Thương mại Quốc tế, tổng thời gian thường vào khoảng **9–12 tháng**. Một số vụ đơn giản hơn (ví dụ exemption review cho từng nhà nhập khẩu) có thể kết thúc nhanh hơn, khoảng **3–6 tháng**.

2.3 Mức độ mở rộng điều tra

Phạm vi mở rộng: TRA có quyền mở rộng điều tra sang các nhà máy hoặc công ty trung gian không được khai báo ban đầu, nếu có bằng chứng cho thấy luồng hàng qua các bên này nhằm mục đích lẩn tránh.

Cách triển khai: việc mở rộng thường dựa trên dữ liệu hải quan cho thấy thay đổi bất thường về tuyến thương mại (ví dụ hàng hóa từ Trung Quốc giảm, nhưng nhập khẩu cùng sản phẩm từ một nước thứ ba tăng mạnh ngay sau khi áp biện pháp).

Thực tiễn triển khai: trong vụ bộ phận xe đạp, TRA từng yêu cầu bổ sung thông tin từ các nhà nhập khẩu chưa có trong danh sách khai báo ban đầu. Tuy nhiên, so với EU, mức độ mở rộng còn khiêm tốn, chủ yếu dừng ở phạm vi doanh nghiệp có giao dịch thực tế với Anh và có tên trong dữ liệu hải quan.

Cơ chế điều tra chống lẩn tránh của Anh về cơ bản kế thừa mô hình của EU nhưng mức độ triển khai thực tế còn hạn chế, do số vụ việc chưa nhiều và TRA mới thành lập từ 2021.

TRA có xu hướng **ưu tiên exemption review và biện pháp hành chính (như áp hạn ngạch theo nước)** hơn là mở rộng điều tra quy mô lớn.

Điều này khiến hệ thống hiện tại chưa tạo thành "tiền lệ" mạnh mẽ về chống lẩn tránh, nhưng cũng cho thấy sự thận trọng của Anh trong giai đoạn đầu vận hành hệ thống phòng vệ thương mại độc lập.

3. Xu hướng và điểm nổi bật trong cách tiếp cận của TRA

3.1 Hướng đi trong lựa chọn bên bị điều tra

Trọng tâm vào các nước có quy mô xuất khẩu lớn: TRA thường chú ý nhiều nhất tới Trung Quốc – đối tác thương mại lớn, có lịch sử liên quan đến nhiều vụ việc CBPG/CTC và nguy cơ lẩn tránh cao qua nước thứ ba.

Các nước đang phát triển hoặc trung gian: Anh cũng theo dõi những thị trường được coi là điểm trung chuyển sau khi biện pháp áp vào Trung Quốc hoặc nước lớn khác. Ví dụ, trong ngành thép, một số nước đang phát triển (Đông Nam Á, Bắc Phi) được TRA phân tích khi có dòng nhập khẩu tăng bất thường.

Với Việt Nam: cho đến nay chưa có vụ chống lẩn tránh công khai nào do TRA khởi xướng trực tiếp. Tuy nhiên, Việt Nam được TRA đưa vào nhóm các nước cần cân nhắc khi phân bổ hạn ngạch thép – phản ánh sự chú ý đến nguy cơ lẩn tránh gián tiếp qua thương mại thép.

3.2 Mức độ nghiêm khắc trong xử lý "vi phạm nhỏ"

Thay đổi mã HS nhỏ: Trong các hồ sơ công khai, TRA thể hiện quan điểm rằng việc thay đổi mã HS không làm thay đổi bản chất sản phẩm vẫn có thể bị coi là hành vi lẩn tránh. Cách tiếp cận này tương tự EU, tức là chỉ cần có ý đồ "né" biện pháp thông qua mã HS khác cũng bị xem xét.

Thay đổi công đoạn sản xuất nhẹ: TRA chấp nhận nguyên tắc "giá trị gia tăng đáng kể" hoặc "công đoạn sản xuất cơ bản" để đánh giá. Nếu công đoạn thực hiện ở nước thứ ba chỉ là lắp ráp đơn giản, gia công nhỏ (ví dụ cắt, đóng gói, sơn phủ), TRA có thể coi đây là bằng chứng của hành vi lẩn tránh.

Thái độ thận trọng: Tuy nhiên, do số vụ việc còn ít, Anh thường ưu tiên các vụ có dấu hiệu rõ ràng, thay vì theo đuổi những tranh chấp "biên độ nhỏ" có tính chất mơ hồ. Điều này khiến hệ thống ít bị coi là quá khắt khe trong giai đoạn hiện nay.

3.3 Sự thay đổi gần đây trong chính sách hoặc tiêu chí đánh giá

Định hình rõ hơn tiêu chí "giá trị gia tăng": Các báo cáo gần đây của TRA nhấn mạnh ngưỡng giá trị gia tăng để đánh giá liệu sản phẩm có thực sự được sản xuất tại nước trung gian hay chỉ mang tính hợp thức hóa giấy tờ.

Xu hướng minh bạch hóa thủ tục: TRA chú trọng công khai dữ liệu, phát hành báo cáo chi tiết và mời tham vấn các bên liên quan. Đây là điểm khác biệt so với giai đoạn EU điều tra trước đây, nhằm tạo hình ảnh một cơ quan độc lập, khách quan.

Nhìn chung, xu hướng chính của TRA là thận trọng nhưng có chọn lọc, tập trung vào các ngành nhạy cảm và các nước có nguy cơ cao (chủ yếu Trung Quốc).

Mức độ nghiêm khắc chưa mạnh như EU, nhưng các tín hiệu gần đây (quota theo nước, tiêu chí giá trị gia tăng rõ ràng hơn) cho thấy Anh đang dần siết chặt.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, việc TRA tăng cường quota theo nước và

chú ý tới công đoạn gia công "đơn giản" có thể là cảnh báo quan trọng trong tương lai.

4. Thách thức khi thu thập dữ liệu và minh chứng trong điều tra chống lẩn tránh

Hạn chế về dữ liệu công khai và tiền lệ pháp lý

Các vụ việc chống lẩn tránh tại Vương quốc Anh còn tương đối mới và số lượng chưa nhiều, dẫn tới dữ liệu công khai về quy trình, kết quả và tiền lệ tham chiếu còn hạn chế. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng cũng như luật sư trong việc tìm kiếm cơ sở so sánh và xây dựng lập luận. Trong nhiều trường hợp, việc phân tích xu hướng thương mại chỉ dựa trên dữ liệu hải quan thô, thiếu đi bối cảnh giải thích, khiến cho khả năng đưa ra bằng chứng thuyết phục bị hạn chế.

Thiếu thông tin nội bộ từ các bên liên quan nước ngoài

Một đặc điểm nổi bật của điều tra chống lẩn tránh là cần chứng minh mối quan hệ thực tế giữa các doanh nghiệp nước ngoài (sản xuất, xuất khẩu, công ty trung gian) và hàng hóa xuất khẩu vào Anh. Tuy nhiên, doanh nghiệp trong nước và hiệp hội thường không có điều kiện tiếp cận các dữ liệu này. Ví dụ, thông tin về quy trình sản xuất, cơ cấu chi phí, hợp đồng mua bán nội bộ hoặc mối quan hệ sở hữu giữa các công ty thường được giữ kín. Sự thiếu minh bạch này làm cho việc chứng minh hành vi lẩn tránh (như chuyển tải đơn giản, thay đổi công đoạn nhẹ hoặc thay đổi mã HS nhỏ) gặp rất nhiều trở ngại.

Khó khăn trong việc thiết lập mối liên hệ nhân quả

Để một hành vi được coi là lẩn tránh, cơ quan điều tra cần chứng minh rằng có sự thay đổi trong quy trình sản xuất, xuất xứ hoặc dòng chảy thương mại với mục đích né tránh biện pháp phòng vệ thương mại, và sự thay đổi này gây ra tác động tiêu cực tới ngành sản xuất nội địa. Đây là một yêu cầu pháp lý khá nghiêm ngặt. Tuy nhiên, trong thực tiễn, dữ liệu thường không đầy đủ, khó chứng minh rõ ràng mối quan hệ nhân quả. Ví dụ, sự gia tăng nhập khẩu từ một quốc gia mới có thể là do sự dịch chuyển tự nhiên của chuỗi cung ứng toàn cầu, chứ không nhất thiết phản ánh hành vi lẩn tránh.

Tính phức tạp của dữ liệu thương mại toàn cầu

Dữ liệu về thương mại thường phân tán theo nhiều nguồn khác nhau: thống kê hải quan, báo cáo của tổ chức quốc tế, dữ liệu thị trường tư nhân. Sự khác biệt trong cách phân loại, mã hóa và thời gian công bố khiến cho việc tổng hợp và phân tích trở nên tốn kém và phức tạp. Thêm vào đó, các công ty có thể sử dụng các bên trung gian hoặc các công đoạn sản xuất nhỏ tại nhiều nước khác nhau để làm "mờ" nguồn gốc thực sự của hàng hóa, khiến việc truy vết càng khó khăn.

Hạn chế về nguồn lực và năng lực phân tích

Đối với nhiều hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp, việc tiến hành phân tích dữ liệu ở cấp độ phức tạp để phục vụ điều tra là một gánh nặng lớn về chi phí và nhân lực. Họ có thể thiếu chuyên môn pháp lý quốc tế, kỹ năng phân tích số liệu hoặc ngân sách để thuê đơn vị tư vấn độc lập. Điều này khiến cho việc chuẩn bị hồ sơ minh chứng trở nên thiếu toàn diện và khó đạt được độ tin cậy cao trong mắt cơ quan điều tra.

Phân tích một số vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Anh với Trung Quốc

I. VỤ VIỆC CE0028 – LINH KIỆN XE ĐẠP NHẬP KHẨU TỪ TRUNG QUỐC

1. Thông tin chung vụ việc

Tên vụ việc: Xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh (UK trade remedies measure exemption review) đối với **một số linh kiện xe đạp có xuất xứ từ Trung Quốc**.

Số hồ sơ: CE0028.

Ngày khởi xướng: 17/10/2022 (TRA – Cơ quan Biện pháp Thương mại của Anh chính thức mở rà soát).

Nguyên đơn/Đơn vị đề nghị miễn trừ: **The Martlet Group Ltd.**, địa chỉ: Unit S, Swallow Enterprise Park, Diamond Drive, Lower Dicker, Hailsham, England.

Các bên liên quan đăng ký tham gia: Frog Bikes Limited.

Sản phẩm rà soát: Một số linh kiện xe đạp (nhập khẩu từ Trung Quốc với số lượng ≥ 300 đơn vị/tháng/loại). Bao gồm:

Tay phanh (brake levers)

Moay-ơ phanh (coaster braking hubs)

Bánh xe hoàn chỉnh (có/ không có săm lốp)

Lốp, líp, đùi đĩa, đề, khung, càng trước, ghi đông, phanh moay-ơ.

Mã HS: 8714.91.10.31, 8714.91.10.35, 8714.91.10.39, 8714.91.30.35, 8714.91.30.39, 8714.93.00.19, 8714.94.20.99, 8714.94.90.19, 8714.96.30.90, 8714.99.10.89, 8714.99.10.99, 8714.99.50.91, 8714.99.50.99, 8714.99.90.19.

2. Diễn biến – Các mốc thời gian

10/01/1997: EU mở rộng biện pháp chống bán phá giá đối với xe đạp từ Trung Quốc sang một số linh kiện xe đạp (Regulation (EC) No 71/97).

31/12/2020: Anh (sau Brexit) ban hành Thông báo Thuế số 2020/34, kế thừa biện pháp EU, áp dụng thuế chống bán phá giá đối với xe đạp và linh kiện xe đạp từ Trung Quốc.

17/10/2022: TRA khởi xướng rà soát miễn trừ theo Điều 96E, xét yêu cầu của The Martlet Group.

24/10/2022: TRA ra quyết định tạm thời đình chỉ áp dụng biện pháp (có hiệu lực từ 25/10/2022).

01/01/2021 – 31/12/2021: Giai đoạn điều tra (POI).

20/12/2022: Frog Bikes nộp ý kiến cho rằng The Martlet Group chỉ là nhà phân phối, không phải đơn vị lắp ráp.

2023: TRA tiến hành xác minh tại chỗ, kiểm tra dữ liệu giao dịch và tài chính.

15/12/2023 (ngày tài liệu): TRA công bố báo cáo khuyến nghị cuối cùng (Final Recommendation).

3. Kết luận – Nội dung và lập luận

Về nguồn gốc biện pháp: Biện pháp phòng vệ của Anh được kế thừa từ EU và đã mở rộng với linh kiện xe đạp từ năm 1997.

Xem xét miễn trừ: TRA đánh giá 3 điều kiện:

Biện pháp của Anh có nguồn gốc từ biện pháp EU được mở rộng sau điều tra chống lẩn tránh.

The Martlet Group không có quan hệ với các nhà xuất khẩu Trung Quốc bị áp thuế.

The Martlet Group không tham gia hành vi lẩn tránh (circumvention).

Kết quả xác minh:

Martlet Group nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm **24% giá trị linh kiện**, thấp hơn ngưỡng 60% bị coi là lẩn tránh.

Giá trị gia tăng tại Anh vượt ngưỡng yêu cầu (không vi phạm quy định lắp ráp để tránh thuế).

TRA xác minh hoạt động thực tế cho thấy Martlet Group là **nhà lắp ráp xe đạp**, không chỉ là đơn vị phân phối như Frog Bikes nêu.

Khuyến nghị cuối cùng: TRA đề xuất Bộ trưởng Bộ Kinh doanh và Thương mại Anh **miễn trừ The Martlet Group khỏi áp dụng biện pháp chống bán phá giá** với các linh kiện xe đạp nhập từ Trung Quốc.

4. Đánh giá – Một số điểm đáng chú ý

Khung pháp lý hậu Brexit: Vụ việc cho thấy cách Anh tiếp tục kế thừa và vận hành cơ chế phòng vệ thương mại từ EU, đồng thời áp dụng cơ chế miễn trừ riêng.

Ý nghĩa với doanh nghiệp nhập khẩu/lắp ráp: Doanh nghiệp có thể được miễn trừ nếu chứng minh:

Không liên quan đến nhà xuất khẩu Trung Quốc;

Không có hành vi lẩn tránh;

Tỷ lệ linh kiện nhập từ Trung Quốc dưới 60% và có giá trị gia tăng tại Anh đủ lớn.

Vai trò của bên thứ ba (Frog Bikes): Sự tham gia của doanh nghiệp trong nước phản ánh tính minh bạch và sự giám sát cộng đồng doanh nghiệp, nhưng ý kiến của họ không đủ căn cứ nếu bị bác bởi điều tra thực địa.

Thông điệp chính sách:

Khuyến khích lắp ráp, sản xuất trong nước;

Ngăn ngừa hành vi lẩn tránh, nhưng vẫn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực sự hoạt động hợp pháp.

Tác động thị trường: Quyết định miễn trừ giúp Martlet Group giảm chi phí nhập khẩu linh kiện, tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời không gây ảnh hưởng đến mục tiêu chống bán phá giá tổng thể.

II. VỤ VIỆC CE0032 – LINH KIỆN XE ĐẠP NHẬP KHẨU TỪ TRUNG QUỐC

1. Thông tin chung vụ việc

Tên vụ việc: Rà soát miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh đối với một số linh kiện xe đạp xuất xứ Trung Quốc.

Số hồ sơ: CE0032.

Ngày khởi xướng: 22/02/2023.

Đơn vị đề nghị miễn trừ: **MiRider Limited**, địa chỉ: Disklok House, Preston Road, Charnock Richard, Chorley, England, PR7 5HH.

Các bên liên quan tham gia: Temple Cycles Ltd, Route Assembly, Brompton Bicycles Limited.

Sản phẩm rà soát: Một số linh kiện xe đạp nhập khẩu từ Trung Quốc, với số lượng ≥ 300 đơn vị/tháng/loại, bao gồm:

Tay phanh (brake levers)

Moay-ơ phanh (coaster braking hubs)

Bánh xe hoàn chỉnh (có/ không có săm lốp)

Lốp, líp, đùi đĩa, đề, khung, càng trước, ghi đông, phanh moay-ơ.

Mã HS: 8714.91.10.31, 8714.91.10.35, 8714.91.10.39, 8714.91.30.35, 8714.91.30.39, 8714.93.00.19, 8714.94.20.99, 8714.94.90.19, 8714.96.30.90, 8714.99.10.89, 8714.99.10.99, 8714.99.50.91, 8714.99.50.99, 8714.99.90.19.

2. Diễn biến – Các mốc thời gian

10/01/1997: EU mở rộng biện pháp chống bán phá giá đối với xe đạp từ Trung Quốc sang một số linh kiện xe đạp (Regulation (EC) No 71/97).

31/12/2020: Vương quốc Anh, sau Brexit, kế thừa biện pháp này qua Thông báo Thuế số 2020/34.

22/02/2023: TRA chính thức mở rà soát miễn trừ theo Điều 96E, xem xét yêu cầu của MiRider Ltd.

11/05/2023: TRA cho phép miễn trừ tạm thời (có hiệu lực từ 12/05/2023).

01/01/2022 – 31/12/2022: Giai đoạn điều tra (POI).

Trong quá trình rà soát: TRA tiến hành kiểm tra dữ liệu bán hàng, giao dịch nhập khẩu, xác minh thực địa và tham khảo thông tin công khai (website MiRider, các kênh bán xe đạp).

15/12/2023: Công bố báo cáo khuyến nghị cuối cùng (Final Recommendation).

3. Kết luận – Nội dung và lập luận

Khung pháp lý: Biện pháp của Anh kế thừa từ EU, mở rộng áp dụng cho linh kiện xe đạp từ Trung Quốc sau điều tra chống lẩn tránh.

Điều kiện xem xét miễn trừ:

Biện pháp của Anh dựa trên biện pháp EU mở rộng sau rà soát lẩn tránh.

Doanh nghiệp không có quan hệ với nhà xuất khẩu Trung Quốc chịu thuế.

Doanh nghiệp không tham gia hành vi lẩn tránh.

Điểm đặc biệt với MiRider:

Theo Thông báo Thuế 2020/34, **các linh kiện dùng để lắp ráp xe đạp có gắn động cơ phụ trợ (xe đạp điện)** được miễn áp thuế chống bán phá giá.

MiRider khai báo và được xác minh là chỉ lắp ráp **xe đạp điện** từ các linh kiện nhập khẩu từ Trung Quốc.

Kết quả điều tra:

Dữ liệu bán hàng, website và xác minh tại chỗ cho thấy MiRider chỉ kinh doanh xe đạp điện.

Toàn bộ linh kiện nhập khẩu từ Trung Quốc đều phục vụ lắp ráp xe đạp điện.

Khuyến nghị cuối cùng: TRA đề xuất Bộ trưởng Bộ Kinh doanh và Thương mại Anh **miễn trừ MiRider Ltd khỏi áp dụng biện pháp chống bán phá giá** đối với các linh kiện xe đạp nhập từ Trung Quốc.

4. Đánh giá – Một số điểm đáng chú ý

Cơ sở miễn trừ đặc thù: Khác với vụ Martlet (CE0028), MiRider được miễn không phải vì tỷ lệ linh kiện nhập khẩu thấp, mà vì hàng nhập khẩu thuộc nhóm **linh kiện phục vụ lắp ráp xe đạp điện**, vốn được quy định là ngoại lệ trong Thông báo Thuế 2020/34.

Khẳng định chính sách khuyến khích sản phẩm xanh: Việc miễn trừ cho xe đạp điện phản ánh chính sách của Anh (và EU trước đó) trong việc thúc đẩy phương tiện giao thông thân thiện môi trường.

Tính minh bạch của quy trình: TRA không chỉ dựa vào dữ liệu tự khai của doanh nghiệp mà còn:

Kiểm tra độc lập thông tin trên website và thị trường;

Xác minh tại chỗ dữ liệu bán hàng và tài chính.

Vai trò của bên liên quan: Sự tham gia của Temple Cycles, Route Assembly và Brompton Bicycles cho thấy doanh nghiệp trong ngành rất quan tâm đến miễn trừ vì nó ảnh hưởng đến cạnh tranh nội địa. Tuy nhiên, kết quả cho thấy MiRider thực sự hoạt động đúng quy định.

Thông điệp chính sách: Vụ việc khẳng định cam kết của Anh:

Vẫn duy trì biện pháp phòng vệ để chống bán phá giá từ Trung Quốc;

Đồng thời khuyến khích ngành sản xuất xe đạp điện trong nước phát triển thông qua cơ chế miễn trừ.

III. VỤ VIỆC CE0040 – LINH KIỆN XE ĐẠP NHẬP TỪ TRUNG QUỐC

1. Thông tin chung vụ việc

Tên vụ việc: Rà soát miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh đối với một số linh kiện xe đạp xuất xứ Trung Quốc.

Số hồ sơ: CE0040.

Ngày khởi xướng: 14/08/2023.

Đơn vị đề nghị miễn trừ: **Frog Bikes Limited**, địa chỉ: Unit 7–9 Silwood Business Centre, Silwood Park, Buckhurst Road, Ascot, Berkshire, England, SL5 7PW.

Đơn vị liên quan: Frog Bikes Manufacturing Limited (công ty con, hiện đang nắm giữ giấy phép miễn trừ).

Sản phẩm rà soát: Một số linh kiện xe đạp (số lượng ≥ 300 đơn vị/tháng/loại), bao gồm:

Tay phanh, moay-ơ phanh, bánh xe hoàn chỉnh (có/không có săm lốp), lốp, líp, đùi đĩa, bộ đề, khung, càng trước, ghi đông, phanh moay-ơ.

Mã HS: 8714.91.10.31, 8714.91.10.35, 8714.91.10.39, 8714.91.30.35, 8714.91.30.39, 8714.93.00.19, 8714.94.20.99, 8714.94.90.19, 8714.96.30.90, 8714.99.10.89, 8714.99.10.99, 8714.99.50.91, 8714.99.50.99, 8714.99.90.19.

Đặc điểm riêng của vụ việc: Frog Bikes Limited là công ty mẹ đang trong quá trình **tái cấu trúc doanh nghiệp**, tiếp nhận toàn bộ hoạt động của Frog Bikes Manufacturing Limited – đơn vị vốn đã được miễn trừ trước đó theo quyết định của EU (2019/1087, 2021/659) và sau đó là Anh (Trade Remedies Notice 2021/10).

2. Diễn biến – Các mốc thời gian

10/01/1997: EU mở rộng biện pháp chống bán phá giá xe đạp Trung Quốc sang các linh kiện xe đạp (Regulation (EC) No 71/97).

31/12/2020: Anh kế thừa biện pháp này theo Thông báo Thuế số 2020/34.

2019 – 2021: EU ban hành quyết định miễn trừ cho Frog Bikes Manufacturing Ltd (2019/1087 và 2021/659). Sau Brexit, Anh công nhận miễn trừ này qua Notice 2021/10.

14/08/2023: TRA chính thức khởi xướng rà soát miễn trừ đối với Frog Bikes Limited.

14/09/2023: TRA cấp tạm thời miễn trừ (Notice 2023/17), có hiệu lực từ 15/09/2023.

01/06/2022 – 31/05/2023: Giai đoạn điều tra (POI).

2023: TRA rà soát hồ sơ, dữ liệu mua hàng, hợp đồng, tài liệu tái cấu trúc công ty, thực hiện đối chiếu dữ liệu tài chính và các bằng chứng về vận hành.

12/2023: Công bố báo cáo khuyến nghị cuối cùng (Final Recommendation).

3. Kết luận – Nội dung và lập luận

Khung pháp lý: Biện pháp phòng vệ thương mại của Anh kế thừa từ EU, bao gồm cả phần mở rộng đối với linh kiện xe đạp.

Điều kiện miễn trừ (theo Regulation 96G):

Biện pháp của Anh có nguồn gốc từ biện pháp EU đã mở rộng sau điều tra lẩn tránh.

Doanh nghiệp không có quan hệ với nhà xuất khẩu Trung Quốc bị áp thuế.

Doanh nghiệp không tham gia hành vi lẩn tránh.

Đặc điểm vụ Frog Bikes:

EC từng xác định Frog Bikes Manufacturing Ltd **không lẩn tránh** (giá trị gia tăng trong sản xuất > 25% chi phí sản xuất).

Sau tái cấu trúc, công ty con sẽ chấm dứt tồn tại, toàn bộ hoạt động sản xuất và nhập khẩu được chuyển cho công ty mẹ (Frog Bikes Limited).

Kết quả xác minh:

TRA kiểm tra toàn bộ hồ sơ tái cấu trúc: hợp đồng (Novation Deed), thông báo đến nhà cung cấp/khách hàng, tài khoản ngân hàng, lệnh đặt hàng, báo cáo tài chính hợp nhất, dữ liệu nhân sự, quy trình sản xuất.

TRA xác nhận **không có thay đổi đáng kể trong hoạt động kinh doanh** ngoài việc tái cấu trúc pháp lý.

Khuyến nghị cuối cùng: TRA đề nghị Bộ trưởng Bộ Kinh doanh và Thương mại miễn trừ Frog Bikes Limited khỏi biện pháp chống bán phá giá đối với các linh kiện xe đạp nhập từ Trung Quốc, thay thế miễn trừ trước đây của công ty con.

4. Đánh giá – Một số điểm đáng chú ý

Khác biệt với CE0028 (Martlet) và CE0032 (MiRider):

Martlet: miễn trừ do tỷ lệ linh kiện nhập Trung Quốc thấp (24%).

MiRider: miễn trừ do lắp ráp xe đạp điện, vốn đã có ngoại lệ trong quy định.

Frog Bikes: miễn trừ do **kế thừa tình trạng pháp lý từ công ty con** vốn đã được EU và Anh công nhận.

Tính liên tục chính sách: Vụ này nhấn mạnh cam kết của Anh trong việc duy trì sự nhất quán với các quyết định của EU trước Brexit, đặc biệt là các trường hợp đã được công nhận miễn trừ.

Điểm nhấn tái cấu trúc doanh nghiệp: Đây là ví dụ điển hình cho thấy việc thay đổi pháp nhân (từ công ty con sang công ty mẹ) cần thủ tục rà soát lại để đảm bảo không có rủi ro lẩn tránh.

Quy trình xác minh: TRA thực hiện rà soát toàn diện: từ dữ liệu mua hàng, tài chính đến hợp đồng pháp lý, để đảm bảo không có thay đổi bản chất trong hoạt động.

Ý nghĩa với doanh nghiệp:

Doanh nghiệp có thể yên tâm rằng việc tái cấu trúc hợp pháp, minh bạch sẽ không làm mất quyền miễn trừ.

Đây là thông điệp tích cực, giúp doanh nghiệp linh hoạt trong tổ chức nhưng vẫn tuân thủ biện pháp phòng vệ.

IV. VỤ VIỆC CE0042 – LINH KIỆN XE ĐẠP NHẬP KHẨU TỪ TRUNG QUỐC

1. Thông tin chung vụ việc

Tên vụ việc: Rà soát miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh đối với một số linh kiện xe đạp xuất xứ Trung Quốc.

Số hồ sơ: CE0042.

Ngày khởi xướng: 20/09/2023.

Đơn vị đề nghị miễn trừ: **Winlong Garments Ltd**, địa chỉ: Units 38–41, Aldwarke Wharfe Business Park, Waddington Way, Rotherham, South Yorkshire, S65 3SH.

Bối cảnh đặc biệt:

Trước đó, **Planet X Ltd** được miễn trừ theo Notice 2020/34.

Tháng 6/2023, Planet X Ltd phá sản (entered administration),

toàn bộ tài sản và hoạt động được Winlong Garments Ltd mua lại.

Do đó, Winlong Garments nộp đơn xin kế thừa miễn trừ.

Các bên liên quan: Không có bên thứ ba nào đăng ký tham gia vụ việc.

Sản phẩm rà soát: Các linh kiện xe đạp nhập khẩu từ Trung Quốc với số lượng ≥ 300 đơn vị/tháng/loại, gồm: tay phanh, moay-ơ phanh, bánh xe hoàn chỉnh, lốp, líp, đùi đĩa, bộ đề, khung, càng trước, ghi đông, phanh moay-ơ.

Mã HS: 8714.91.10.31, 8714.91.10.35, 8714.91.10.39, 8714.91.30.35, 8714.91.30.39, 8714.93.00.19, 8714.94.20.99, 8714.94.90.19, 8714.96.30.90, 8714.99.10.89, 8714.99.10.99, 8714.99.50.91, 8714.99.50.99, 8714.99.90.19.

Giai đoạn điều tra (POI): 01/09/2022 – 31/08/2023.

2. Diễn biến – Các mốc thời gian

10/01/1997: EU mở rộng biện pháp chống bán phá giá xe đạp Trung Quốc sang một số linh kiện xe đạp (Regulation (EC) No 71/97).

31/12/2020: Anh kế thừa biện pháp này qua Thông báo Thuế số 2020/34.

06/2023: Planet X Ltd phá sản, toàn bộ tài sản/hoạt động được Winlong Garments Ltd mua lại.

20/09/2023: TRA khởi xướng rà soát miễn trừ theo Điều 96E đối với Winlong.

02/11/2023: TRA cấp miễn trừ tạm thời, có hiệu lực từ 03/11/2023.

09/2023 – 02/2024: TRA tiến hành thẩm định:

Xem xét hồ sơ pháp lý, dữ liệu tài chính, hợp đồng, thông tin từ Companies House, website và báo chí.

Kiểm tra dữ liệu mua hàng từng giao dịch (transaction-by-transaction).

Tiến hành xác minh tại chỗ.

03/2024: TRA công bố báo cáo khuyến nghị cuối cùng.

3. Kết luận – Nội dung và lập luận

Khung pháp lý:

Biện pháp chống bán phá giá của Anh kế thừa từ EU.

Quy định miễn trừ dựa theo Điều 96G, gồm 3 điều kiện: (1) biện pháp của Anh áp dụng lại biện pháp EU mở rộng sau điều tra lẩn tránh; (2) doanh nghiệp không liên quan tới nhà xuất khẩu Trung Quốc bị áp thuế; (3) doanh nghiệp không tham gia lẩn tránh.

Kết quả điều tra đối với Winlong:

Về quan hệ: Không có bằng chứng cho thấy Winlong có liên hệ với nhà xuất khẩu Trung Quốc bị áp thuế.

Về hành vi lẩn tránh:

Dữ liệu cho thấy Winlong nhập khẩu khoảng **51% tổng giá trị linh kiện từ Trung Quốc**, dưới ngưỡng 60% bị coi là lẩn tránh.

Các hoạt động lắp ráp tại Anh đảm bảo có giá trị gia tăng > 25% chi phí sản xuất.

Về hoạt động kinh doanh: Winlong thực chất kế thừa hoạt động từ Planet X Ltd, không có dấu hiệu thay đổi bản chất nhằm né tránh thuế.

Khuyến nghị cuối cùng: TRA đề xuất Bộ trưởng Bộ Kinh doanh và Thương mại miễn trừ Winlong Garments Ltd khỏi biện pháp chống bán phá giá đối với các linh kiện xe đạp nhập từ Trung Quốc.

4. Đánh giá – Một số điểm đáng chú ý

Trường hợp kế thừa miễn trừ: Khác với Martlet (tỷ lệ nhập thấp), MiRider (xe đạp điện), Frog Bikes (tái cấu trúc nội bộ), vụ Winlong tập trung vào **chuyển giao hoạt động từ công ty phá sản (Planet X) sang công ty mua lại (Winlong)**. Đây là ví dụ quan trọng cho việc duy trì quyền miễn trừ trong bối cảnh thay đổi chủ sở hữu.

Tỷ lệ nhập khẩu "nhạy cảm": Mức 51% linh kiện nhập từ Trung Quốc khá sát ngưỡng 60%. Tuy nhiên, TRA vẫn xác định không có hành vi lẩn tránh, phản ánh cách tiếp cận thực chứng dựa trên dữ liệu và giá trị gia tăng.

Thông điệp cho thị trường:

Doanh nghiệp mua lại tài sản/hoạt động từ công ty được miễn trừ có thể kế thừa quyền miễn trừ nếu chứng minh duy trì mô hình sản xuất hợp pháp.

Ngược lại, nếu thay đổi cơ cấu để che giấu hành vi lẩn tránh, TRA sẽ loại bỏ miễn trừ.

Tính minh bạch và thẩm định kỹ lưỡng: TRA dựa vào nhiều nguồn – từ hồ sơ doanh nghiệp, dữ liệu tài chính, hợp đồng, cho đến xác minh tại chỗ – để đảm bảo kết luận khách quan.

Tác động: Quyết định miễn trừ giúp Winlong ổn định hoạt động nhập khẩu linh kiện, duy trì chuỗi cung ứng xe đạp tại Anh sau sự sụp đổ của Planet X, đồng thời giữ nguyên hiệu lực của biện pháp phòng vệ đối với các nhà xuất khẩu Trung Quốc bị áp thuế.

Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp (CBPG/CTC) của Vương Quốc Anh

Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) như **chống bán phá giá (CBPG), chống trợ cấp (CTC) và chống lẩn tránh** được nhiều quốc gia, trong đó có **Vương quốc Anh**, sử dụng nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Sau Brexit, Anh tiếp tục kế thừa các biện pháp PVTM từ Liên minh châu Âu (EU) và đồng thời xây dựng cơ chế riêng do **Cơ quan Biện pháp Thương mại (Trade Remedies Authority – TRA)** quản lý.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, nguy cơ bị điều tra **chống lẩn tránh** tại Anh không nhỏ, nhất là với các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn và nhạy cảm như thép, xe đạp, dệt may, thủy sản. Nếu không chuẩn bị đầy đủ, doanh nghiệp có thể bị áp mức thuế phòng vệ cao, thậm chí tương tự như nước bị áp thuế gốc (ví dụ Trung Quốc), dẫn đến mất lợi thế cạnh tranh và thị trường xuất khẩu.

Bài viết này nhằm cung cấp **hướng dẫn thực tế, dễ áp dụng** giúp doanh nghiệp Việt Nam:

Hiểu rõ quy trình điều tra chống lẩn tránh của Anh;

Biết cách **ứng phó hiệu quả** từ khi nhận thông báo điều tra đến khi có kết luận cuối cùng;

Chủ động xây dựng chiến lược quản trị rủi ro xuất khẩu trong dài hạn.

1. Chuẩn bị ngay khi nhận thông báo điều tra

Khi doanh nghiệp nhận được thông báo từ **Cơ quan Biện pháp Thương mại Vương quốc Anh (TRA)** về việc khởi xướng điều tra chống lẩn tránh, việc phản ứng kịp thời và có tổ chức là yếu tố then chốt để tránh rủi ro bị áp thuế bất lợi. Các bước cần lưu ý bao gồm:

1.1. Xác định phạm vi vụ việc

Kiểm tra sản phẩm, mã HS và thị trường bị điều tra có đúng với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp hay không.

Đối chiếu với danh mục hàng hóa trong thông báo để xác định chính xác doanh nghiệp có phải là đối tượng bị tác động trực tiếp.

Đánh giá sơ bộ tác động: khối lượng xuất khẩu, tỷ lệ doanh thu liên quan, nguy cơ mất khách hàng.

Mẹo thực hành: Ngay sau khi nhận thông báo, lập một bảng tổng hợp nhanh (1 trang) liệt kê sản phẩm bị điều tra, khách hàng chính, và tỷ trọng xuất khẩu để lãnh đạo nắm được mức độ ảnh hưởng.

1.2. Thành lập đội ứng phó nội bộ

Bổ nhiệm nhóm chuyên trách gồm các bộ phận: xuất nhập khẩu, tài chính – kế toán, pháp lý, quản lý sản xuất.

Chỉ định một đầu mối liên hệ trực tiếp với TRA để đảm bảo thông tin được truyền đạt chính xác, kịp thời.

Xác lập timeline cho toàn bộ quá trình từ khi nộp bảng trả lời câu hỏi (questionnaire) đến xác minh tại chỗ.

Mẹo thực hành: Áp dụng sơ đồ RACI (Responsible – Accountable – Consulted – Informed) để phân công rõ ràng vai trò của từng thành viên trong nhóm ứng phó.

1.3. Thu thập và chuẩn hóa dữ liệu

Dữ liệu sản xuất: quy trình, tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước, chi phí nhân công, máy móc.

Dữ liệu xuất khẩu: hợp đồng, hóa đơn, vận đơn, chứng nhận xuất xứ (C/O).

Dữ liệu nhập khẩu nguyên liệu: nguồn cung, tỷ lệ nhập từ các nước bị áp thuế (ví dụ Trung Quốc).

Ví dụ: Nếu doanh nghiệp sản xuất xe đạp tại Việt Nam, cần chứng minh tỷ lệ linh kiện nhập từ Trung Quốc thấp hơn ngưỡng 60% và phần gia công, lắp ráp tại Việt Nam chiếm trên 25% chi phí sản xuất để loại trừ khả năng bị coi là "lẩn tránh".

1.4. Phối hợp với các bên liên quan

Liên hệ ngay với hiệp hội ngành hàng để nắm tình hình và có tiếng nói chung.

Chủ động báo cáo với Bộ Công Thương và Thương vụ Việt Nam tại Anh để được hướng dẫn.

Xem xét thuê luật sư hoặc chuyên gia tư vấn thương mại quốc tế hỗ trợ về kỹ thuật và pháp lý.

Mẹo thực hành: Thiết lập "nhật ký liên hệ" ghi lại tất cả các buổi làm việc, email và tài liệu trao đổi với TRA, hiệp hội và cơ quan nhà nước để tiện theo dõi và báo cáo.

2. Chuẩn bị hồ sơ và tương tác với TRA

Trong quá trình điều tra, **hồ sơ doanh nghiệp cung cấp cho TRA** sẽ là cơ sở chính để cơ quan này đánh giá có hay không hành vi lẩn tránh. Do đó, doanh nghiệp cần hết sức cẩn trọng và chuyên nghiệp trong việc chuẩn bị, nộp hồ sơ cũng như duy trì trao đổi với TRA.

2.1. Điền bảng câu hỏi (Questionnaire) và nộp đúng hạn

Đọc kỹ hướng dẫn của TRA, phân công nhân sự phụ trách từng phần (xuất khẩu, nhập khẩu, tài chính).

Số liệu cần đầy đủ và nhất quán: sản lượng, giá bán, chi phí sản xuất, khách hàng, hợp đồng.

Tuân thủ thời hạn nộp: nếu nộp muộn hoặc thiếu dữ liệu, TRA có thể coi doanh nghiệp là "không hợp tác", dẫn đến áp dụng mức thuế bất lợi.

Mẹo thực hành: Trước khi nộp chính thức, nên tổ chức rà soát chéo nội bộ hoặc nhờ tư vấn luật xem xét để phát hiện sai sót số liệu.

2.2. Phân loại thông tin mật (confidential) và công khai (non-confidential)

Thông tin mật: chi phí chi tiết, dữ liệu khách hàng, nguồn cung nguyên liệu.

Bản công khai: tóm tắt các số liệu và lý giải nhưng không tiết lộ chi tiết nhạy cảm.

Đảm bảo **tính nhất quán** giữa hai bản, tránh mâu thuẫn gây nghi ngờ từ phía TRA.

Mẹo thực hành: Với mỗi bảng số liệu nộp cho TRA, nên chuẩn bị song song hai phiên bản (mật và công khai) ngay từ đầu để tiết kiệm thời gian.

2.3. Giải trình và đối thoại với TRA

Chuẩn bị sẵn câu trả lời cho các điểm bất thường: giá thấp, tỷ lệ nhập khẩu cao, biến động sản lượng.

Tham gia đầy đủ các phiên tham vấn, hearings nếu TRA tổ chức.

Chủ động cung cấp thông tin bổ sung để minh chứng cho tính hợp pháp của hoạt động sản xuất.

Ví dụ: Doanh nghiệp dệt may có thể giải trình việc giá xuất khẩu thấp do hợp đồng số lượng lớn và dài hạn, kèm chứng từ để chứng minh.

2.4. Theo dõi tiến trình điều tra

Ghi nhớ các mốc quan trọng: thời hạn trả lời, ngày công bố dự thảo, thời gian xác minh tại chỗ.

Cử đầu mối liên hệ thường trực để nhận và phản hồi nhanh chóng yêu cầu từ TRA.

Lưu trữ toàn bộ email, văn bản trao đổi để làm cơ sở khiếu nại hoặc rà soát lại sau này.

Mẹo thực hành: Dùng phần mềm quản lý dự án (như Trello, Asana) để tạo lịch công việc và cảnh báo deadline cho cả nhóm ứng phó.

3. Quản lý rủi ro xuất khẩu

Khi đối mặt với điều tra chống lẩn tránh, doanh nghiệp không chỉ phải chứng minh tính hợp pháp của giá bán (như trong điều tra chống bán phá giá) hay nguồn gốc hỗ trợ (như trong điều tra chống trợ cấp), mà còn cần **làm rõ cấu trúc chuỗi cung ứng, hoạt động sản xuất thực chất và quan hệ với đối tác nước ngoài**.

3.1. Kiểm soát tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu từ nước bị áp thuế

Theo thực tiễn tại Anh, nếu tỷ lệ linh kiện/nguyên liệu nhập từ nước đang bị áp thuế vượt quá **60% giá trị sản xuất**, nguy cơ bị coi là "lẩn tránh" rất cao.

Doanh nghiệp cần thường xuyên theo dõi tỷ lệ này và chủ động đa dạng hóa nguồn cung để giảm phụ thuộc.

Mẹo thực hành: Lập báo cáo định kỳ hàng quý về tỷ lệ nguyên liệu nhập từ từng quốc gia; nếu vượt 50%, cần lập tức có kế hoạch thay thế.

3.2. Tăng giá trị gia tăng tại Việt Nam

TRA đặc biệt chú ý đến mức **giá trị gia tăng nội địa**. Nếu công đoạn tại Việt Nam chỉ dừng ở gia công đơn giản, nguy cơ bị coi là lẩn tránh sẽ cao.

Doanh nghiệp nên đầu tư vào các khâu có hàm lượng kỹ thuật cao: gia công cơ khí, sơn phủ, lắp ráp hoàn thiện.

Duy trì giá trị gia tăng tối thiểu **25% chi phí sản xuất** để đáp ứng tiêu chí sản xuất thực chất.

Ví dụ: Trong vụ việc liên quan đến linh kiện xe đạp tại Anh, doanh nghiệp được miễn trừ vì chứng minh được khâu lắp ráp tại nội địa tạo ra giá trị đáng kể, không chỉ đơn thuần nhập khẩu linh kiện và xuất khẩu nguyên trạng.

3.3. Rà soát quan hệ sở hữu và liên kết doanh nghiệp

TRA sẽ điều tra liệu doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ vốn, cổ phần hoặc hợp đồng đặc biệt với doanh nghiệp ở nước bị áp thuế (ví dụ Trung Quốc) hay không.

Doanh nghiệp cần chuẩn bị hồ sơ pháp lý rõ ràng, minh chứng rằng không có sự kiểm soát hoặc liên kết từ nhà sản xuất/xuất khẩu đang bị áp thuế.

Mẹo thực hành: Lưu trữ và cập nhật thường xuyên hồ sơ công ty tại Sở Kế hoạch & Đầu tư và tại Companies House (nếu có công ty con ở Anh), để khi TRA yêu cầu có thể cung cấp ngay.

3.4. Lập phương án thị trường và khách hàng thay thế

Nếu có rủi ro bị áp thuế do TRA kết luận lẩn tránh, doanh nghiệp cần chuẩn bị sẵn kịch bản chuyển hướng thị trường để giảm thiểu thiệt hại.

Ưu tiên các thị trường chưa áp biện pháp phòng vệ hoặc có FTA với Việt Nam.

3.5. Quản lý hợp đồng xuất khẩu trong bối cảnh rủi ro

Đàm phán điều khoản về **chia sẻ chi phí thuế** hoặc **điều chỉnh giá bán** trong trường hợp có thuế phòng vệ mới.

Chủ động thông báo cho khách hàng quốc tế về khả năng biến động giá để duy trì sự minh bạch và uy tín.

4. Tận dụng nguồn lực bên ngoài

Trong điều tra chống lẩn tránh, doanh nghiệp thường khó tự mình chứng minh toàn bộ chuỗi cung ứng và tính minh bạch trong hoạt động. Việc huy động nguồn lực từ bên ngoài sẽ giúp gia tăng uy tín, bổ sung bằng chứng và giảm áp lực cho doanh nghiệp.

4.1. Hiệp hội ngành hàng – bảo vệ tập thể và cung cấp bằng chứng

Hiệp hội có thể tập hợp dữ liệu của nhiều doanh nghiệp, từ đó chứng minh rằng ngành sản xuất tại Việt Nam thực sự có công đoạn chế biến/lắp ráp đáng kể.

Đây cũng là kênh để đưa ra tiếng nói chung, giảm tình trạng doanh nghiệp bị xem xét riêng lẻ và dễ bị coi là lẩn tránh.

Ngoài ra, hiệp hội có thể phối hợp với TRA để **vận động chính sách**, yêu cầu công nhận ngoại lệ cho một số sản phẩm (ví dụ như xe đạp điện trong vụ MiRider).

Mẹo thực hành: Chủ động gửi số liệu sản xuất – xuất khẩu cho hiệp hội, ngay cả khi doanh nghiệp không bị nêu đích danh trong vụ việc, nhằm củng cố hình ảnh toàn ngành.

4.2. Cơ quan quản lý nhà nước – cầu nối chính thức với TRA

Bộ Công Thương và Thương vụ Việt Nam tại Anh có thể đóng vai trò là **đầu mối ngoại giao**, hỗ trợ trao đổi trực tiếp với TRA.

Cơ quan nhà nước có thể xác nhận tính hợp pháp của chứng nhận xuất xứ, cung cấp dữ liệu vĩ mô để chứng minh hoạt động sản xuất tại Việt Nam là thực chất.

Ngoài ra, họ còn giúp theo dõi sát tiến trình điều tra, cảnh báo sớm về nguy cơ mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp.

Ví dụ: Trong một số vụ việc, sự xác nhận chính thức từ cơ quan Việt Nam đã giúp TRA tin tưởng hơn vào dữ liệu do doanh nghiệp cung cấp.

4.3. Tư vấn luật và chuyên gia quốc tế – đảm bảo chuẩn mực pháp lý

Doanh nghiệp thường khó nắm hết các tiêu chí pháp lý phức tạp của Anh. Tư vấn luật sẽ giúp:

Chuẩn bị hồ sơ đúng định dạng, tránh sai sót.

Đưa ra giải pháp xử lý khi TRA đặt câu hỏi hóc búa.

Tham gia hearings để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp.

Ngoài luật sư, chuyên gia về chuỗi cung ứng cũng có thể giúp chứng minh giá trị gia tăng tại Việt Nam, từ đó bác bỏ cáo buộc "lẩn tránh".

Mẹo thực hành: Lựa chọn đơn vị tư vấn có kinh nghiệm trực tiếp trong các vụ việc tại Anh hoặc EU, vì hệ thống pháp lý có nhiều điểm kế thừa và tương đồng.

4.4. Truyền thông và quản trị hình ảnh doanh nghiệp

Bên cạnh yếu tố pháp lý, dư luận và uy tín doanh nghiệp cũng ảnh hưởng đến cách cơ quan điều tra nhìn nhận.

Việc phối hợp với báo chí, truyền thông ngành để cung cấp thông tin minh bạch có thể giúp doanh nghiệp giảm rủi ro bị coi là "lẩn tránh có chủ ý".

5. Kế hoạch dài hạn và cải thiện nội bộ

Việc ứng phó thành công một vụ điều tra chống lẩn tránh không chỉ giải quyết tình huống trước mắt mà còn đặt nền tảng để doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro trong tương lai. Doanh nghiệp cần coi đây là cơ hội rà soát lại toàn bộ quy trình sản xuất – xuất khẩu và nâng cao năng lực quản trị.

5.1. Xây dựng quy trình chuẩn (SOP) về tuân thủ phòng vệ thương mại

Thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu xuất nhập khẩu: tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu, giá trị gia tăng trong nước, chứng từ xuất xứ.

Lập cơ chế cảnh báo nội bộ khi tỷ lệ nhập từ các nước bị áp thuế tiến gần ngưỡng 60% hoặc khi giá trị gia tăng giảm xuống dưới 25%.

Ban hành quy trình chuẩn để xử lý khi có thông báo điều tra: từ tiếp nhận thông tin, phân công trách nhiệm đến liên hệ cơ quan chức năng.

5.2. Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất trong nước

Đẩy mạnh nội địa hóa linh kiện, nguyên liệu để giảm phụ thuộc vào nguồn từ nước bị áp thuế.

Tăng hàm lượng công nghệ, tránh tình trạng chỉ "gia công đơn giản".

Phát triển mạng lưới nhà cung ứng trong nước nhằm củng cố bằng chứng về sản xuất thực chất tại Việt Nam.

5.3. Đào tạo nhân sự về phòng vệ thương mại và tuân thủ quốc tế

Thường xuyên tổ chức khóa đào tạo nội bộ về quy định của Anh, EU và các thị trường lớn.

Xây dựng đội ngũ chuyên trách PVTM, có khả năng làm việc trực tiếp với TRA mà không phụ thuộc hoàn toàn vào tư vấn bên ngoài.

5.4. Tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin trong ngành

Chủ động phối hợp với hiệp hội để cập nhật tình hình điều tra mới nhất.

Tham gia các nhóm công tác hoặc hội thảo về PVTM để học hỏi kinh nghiệm từ các doanh nghiệp từng vướng vụ việc.

5.5. Cải tiến liên tục sau mỗi vụ việc

Sau khi kết thúc điều tra, doanh nghiệp nên tiến hành **đánh giá lại toàn diện**:

Điểm mạnh đã giúp bảo vệ thành công.

Hạn chế trong quá trình nộp hồ sơ, phối hợp với TRA.

Những rủi ro tiềm ẩn cần tiếp tục xử lý.

Từ đó cập nhật, hoàn thiện quy trình nội bộ, tránh lặp lại sai sót trong các vụ việc tiếp theo.

Các công cụ và biện pháp phòng ngừa rủi ro lẩn tránh cho doanh nghiệp Việt Nam

I. CÔNG CỤ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

1. Quản trị chuỗi cung ứng minh bạch

Một trong những yếu tố cốt lõi để tránh bị cáo buộc lẩn tránh là doanh nghiệp phải chứng minh được **chuỗi cung ứng rõ ràng, hợp pháp và minh bạch**. Các cơ quan điều tra, đặc biệt là **TRA của Vương quốc Anh**, rất chú trọng tới nguồn gốc nguyên liệu, tỷ lệ nhập khẩu từ các nước bị áp thuế và tính minh bạch trong hợp đồng giao dịch.

Các biện pháp doanh nghiệp cần áp dụng:

Xây dựng bản đồ chuỗi cung ứng (supply chain mapping):

Liệt kê toàn bộ nhà cung cấp, quốc gia xuất xứ, loại nguyên liệu/linh kiện cung cấp.

Cập nhật định kỳ khi thay đổi nguồn hàng hoặc khi nhà cung cấp mở rộng sản phẩm.

Quy định rõ trong hợp đồng với nhà cung cấp:

Yêu cầu cam kết về xuất xứ và chịu trách nhiệm pháp lý khi có sai phạm.

Đính kèm chứng nhận xuất xứ (C/O), chứng nhận chất lượng trong từng lô hàng.

Thiết lập cơ chế kiểm soát tỷ lệ nhập khẩu từ các nước bị áp thuế:

Theo dõi sát sao tỷ lệ nguyên liệu nhập từ Trung Quốc và các nước có nguy cơ bị áp thuế.

Nếu tỷ lệ tiến gần **60% giá trị sản xuất**, cần kịp thời điều chỉnh để giảm rủi ro.

Thực hiện đánh giá định kỳ chuỗi cung ứng:

Định kỳ hàng quý hoặc nửa năm, kiểm toán nội bộ về nguồn nguyên liệu và tỷ lệ sử dụng.

Báo cáo cho ban lãnh đạo để ra quyết định thay đổi hoặc đa dạng hóa nhà cung cấp.

Mẹo thực hành: Doanh nghiệp nên sử dụng phần mềm quản lý chuỗi cung ứng (SCM) hoặc ERP để tự động hóa việc theo dõi tỷ lệ nhập khẩu theo quốc gia, qua đó dễ dàng đưa ra cảnh báo khi vượt ngưỡng an toàn.

Ví dụ thực tế: Trong vụ CE0028 – Martlet tại Anh, doanh nghiệp đã tránh bị coi là lẩn tránh nhờ chứng minh tỷ lệ linh kiện nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ chiếm **24% giá trị**, thấp hơn nhiều so với ngưỡng 60%. Điều này cho thấy việc quản trị chuỗi cung ứng minh bạch, có số liệu theo dõi chặt chẽ là minh chứng quan trọng khi cơ quan điều tra tiến hành xác minh.

2. Tăng cường giá trị gia tăng trong nước

Một trong những tiêu chí quan trọng để tránh bị coi là "lẩn tránh" là mức **giá trị gia tăng tại nước xuất khẩu**. Nếu hoạt động tại Việt Nam chỉ dừng lại ở khâu gia công đơn giản, nguy cơ bị áp thuế lẩn tránh rất cao. Doanh nghiệp cần chứng minh rằng quá trình sản xuất trong nước có đóng góp thực chất, tạo ra giá trị rõ ràng.

Các biện pháp cụ thể:

Đầu tư thêm công đoạn sản xuất:

Thay vì chỉ thực hiện cắt hoặc đóng gói, doanh nghiệp cần triển khai thêm các khâu kỹ thuật cao như **cắt, hàn, sơn, mạ, lắp ráp hoàn chỉnh**.

Việc mở rộng công đoạn vừa nâng tỷ lệ giá trị gia tăng, vừa tạo bằng chứng cho thấy sản phẩm được sản xuất thực sự tại Việt Nam chứ không chỉ "quá cảnh".

Phát triển nhà cung cấp nội địa:

Tìm kiếm và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng nguyên liệu, linh kiện.

Tăng tỷ lệ nội địa hóa để giảm phụ thuộc vào nguyên liệu từ các quốc gia đang bị áp thuế (như Trung Quốc).

Có thể áp dụng chính sách ưu tiên mua hàng nội địa, hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho nhà cung ứng trong nước.

Khuyến khích liên kết cụm ngành:

Tham gia hoặc xây dựng các **cụm công nghiệp chuyên ngành** (cluster) để tận dụng lẫn nhau về nguyên liệu, bán thành phẩm, dịch vụ kỹ thuật.

Liên kết này giúp hạ chi phí, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc và khẳng định tính bền vững trong chuỗi giá trị tại Việt Nam.

Mẹo thực hành: Doanh nghiệp nên định kỳ tính toán **tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước** (Value-added ratio) và lưu hồ sơ chứng minh. Khi TRA hoặc cơ quan điều tra yêu cầu, số liệu này sẽ là bằng chứng quan trọng để khẳng định rằng sản phẩm được sản xuất thực chất tại Việt Nam.

Ví dụ thực tế: Trong nhiều vụ việc, TRA đã công nhận miễn trừ cho doanh nghiệp nhập linh kiện từ Trung Quốc nhưng vẫn được coi là hợp pháp vì quá trình **lắp ráp và hoàn thiện tại Anh** tạo ra giá trị gia tăng trên 25%. Đây là ngưỡng tham chiếu quan trọng mà doanh nghiệp Việt Nam cần duy trì.

3. Quản lý hồ sơ và chứng từ xuất xứ

Một trong những lý do phổ biến khiến doanh nghiệp bị cáo

buộc "lẩn tránh" là **thiếu chứng từ xuất xứ đầy đủ, minh bạch và nhất quán**. Cơ quan điều tra thường nghi ngờ rằng hàng hóa chỉ được nhập khẩu từ nước bị áp thuế, sau đó dán nhãn Việt Nam để xuất khẩu. Vì vậy, quản lý tốt hệ thống hồ sơ và chứng từ là công cụ phòng ngừa quan trọng.

Các biện pháp doanh nghiệp cần áp dụng:

Chuẩn hóa hệ thống chứng từ xuất xứ (C/O):

Đảm bảo toàn bộ lô hàng xuất khẩu đều có giấy chứng nhận xuất xứ phù hợp với quy tắc xuất xứ của hiệp định hoặc theo chuẩn quốc tế.

Kiểm tra tính hợp lệ trước khi phát hành để tránh sai sót nhỏ nhưng ảnh hưởng lớn đến uy tín.

Lưu trữ dữ liệu đầy đủ và dài hạn:

Số hóa toàn bộ chứng từ: C/O, invoice, packing list, hợp đồng nhập khẩu, tờ khai hải quan.

Lưu trữ ít nhất 5 năm để sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu điều tra.

Đảm bảo tính nhất quán giữa các chứng từ:

Tránh tình trạng thông tin trên C/O khác với invoice hoặc hợp đồng, dễ bị TRA coi là "không minh bạch".

Thiết lập quy trình kiểm tra chéo giữa các bộ phận (xuất nhập khẩu, kế toán, pháp lý).

Ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc:

Sử dụng **mã QR, blockchain, hoặc hệ thống ERP** để theo dõi hành trình nguyên liệu từ nhà cung cấp đến sản phẩm cuối cùng.

Điều này giúp tạo bằng chứng khách quan, giảm rủi ro bị nghi ngờ "ngụy tạo xuất xứ".

Mẹo thực hành: Doanh nghiệp có thể xây dựng **"hồ sơ xuất xứ chuẩn"** (origin dossier) cho từng dòng sản phẩm, bao gồm toàn bộ chứng từ từ đầu vào đến đầu ra. Khi có điều tra, chỉ cần nộp ngay bộ hồ sơ này thay vì tìm kiếm rời rạc.

Ví dụ thực tế: Trong vụ việc **Winlong (CE0042)** tại Anh, doanh nghiệp kế thừa hoạt động từ Planet X nhưng vẫn được miễn trừ vì chứng minh được chuỗi chứng từ xuất xứ và tài liệu tài chính rõ ràng, nhất quán. Đây là minh chứng cho tầm quan trọng của quản lý hồ sơ chặt chẽ.

4. Hệ thống kiểm toán và tuân thủ nội bộ

Ngoài việc quản lý chuỗi cung ứng và hồ sơ xuất xứ, doanh nghiệp cần có một **cơ chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ** để phát hiện và xử lý sớm các rủi ro có thể dẫn đến cáo buộc "lẩn tránh". Việc thiết lập hệ thống kiểm toán và tuân thủ nội bộ không chỉ giúp đáp ứng yêu cầu của cơ quan điều tra, mà còn nâng cao tính chuyên nghiệp và uy tín của doanh nghiệp trong dài hạn.

Các biện pháp cụ thể:

Thành lập bộ phận tuân thủ thương mại (compliance team):

Đóng vai trò đầu mối giám sát hoạt động xuất nhập khẩu, quản lý rủi ro phòng vệ thương mại.

Theo dõi diễn biến chính sách PVTM ở các thị trường lớn như Anh, EU, Mỹ để cảnh báo sớm cho lãnh đạo.

Kiểm toán nội bộ định kỳ:

Thực hiện kiểm toán mỗi quý hoặc nửa năm đối với tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu, giá trị gia tăng nội địa, tính hợp lệ của chứng từ xuất xứ.

Kết quả kiểm toán cần được báo cáo trực tiếp cho Ban giám đốc để có hành động kịp thời.

Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro:

Xây dựng **bản đồ rủi ro (risk map)** cho hoạt động xuất khẩu, trong đó đánh giá các yếu tố: nguồn nguyên liệu, tỷ lệ giá trị gia tăng, quan hệ với nhà cung cấp nước ngoài.

Gán mức độ rủi ro (cao – trung bình – thấp) và đưa ra biện pháp giảm thiểu cụ thể.

Xây dựng quy trình phản ứng nhanh:

Khi có dấu hiệu bị điều tra, đội ngũ tuân thủ có thể ngay lập tức kích hoạt quy trình chuẩn: thu thập hồ sơ, liên hệ hiệp hội, làm việc với cơ quan nhà nước.

Quy trình này giúp doanh nghiệp tránh bị động, giảm nguy cơ bị coi là "không hợp tác".

Mẹo thực hành: Doanh nghiệp nên tích hợp hệ thống tuân thủ nội bộ vào các phần mềm quản trị hiện có (ERP, SAP), thay vì quản lý thủ công. Điều này vừa tiết kiệm chi phí, vừa tăng tính chính xác trong báo cáo.

Ví dụ thực tế: Một số doanh nghiệp trong ngành thép tại Việt Nam đã xây dựng bộ phận **Trade Compliance** riêng, thường xuyên kiểm toán tỷ lệ nguyên liệu nhập từ Trung Quốc. Nhờ vậy, khi Anh và EU tiến hành rà soát, doanh nghiệp có ngay dữ liệu đáng tin cậy để chứng minh, giúp giảm đáng kể nguy cơ bị quy kết "lẩn tránh".

5. Công cụ pháp lý và hợp tác

Để phòng ngừa rủi ro lẩn tránh, doanh nghiệp không chỉ

dựa vào nội lực mà còn cần tận dụng các **công cụ pháp lý** và thiết lập **mối quan hệ hợp tác chiến lược** với các bên liên quan. Đây là lớp "lá chắn" giúp doanh nghiệp khẳng định tính hợp pháp và minh bạch trong hoạt động xuất khẩu.

Các biện pháp cụ thể:

Chuẩn hóa hồ sơ pháp lý doanh nghiệp:

Đảm bảo các giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, báo cáo tài chính đều cập nhật và minh bạch.

Trình bày rõ ràng cấu trúc sở hữu, quan hệ cổ đông, tránh để TRA nghi ngờ doanh nghiệp là "công ty vệ tinh" của nhà sản xuất ở nước bị áp thuế.

Chuẩn bị bộ hồ sơ pháp lý chuẩn hóa (compliance dossier):

Bao gồm: giấy phép sản xuất, hợp đồng lao động, hóa đơn máy móc thiết bị, hợp đồng thuê đất/ khu công nghiệp.

Bộ hồ sơ này giúp chứng minh doanh nghiệp thực sự hoạt động sản xuất tại Việt Nam, không chỉ "mượn địa chỉ".

Hợp tác với hiệp hội ngành hàng:

Cùng hiệp hội xây dựng dữ liệu tổng thể về năng lực sản xuất trong nước.

Đưa ra tiếng nói tập thể, giảm nguy cơ bị điều tra dưới góc nhìn riêng lẻ.

Làm việc thường xuyên với cơ quan quản lý nhà nước:

Chủ động gửi báo cáo định kỳ cho Bộ Công Thương hoặc Thương vụ Việt Nam tại Anh để cập nhật tình hình.

Tận dụng các kênh chính thức để yêu cầu TRA công nhận ngoại lệ hoặc miễn trừ cho doanh nghiệp.

Hợp tác với tư vấn pháp lý quốc tế:

Chuẩn bị hồ sơ đúng định dạng và đáp ứng yêu cầu pháp luật Anh.

Có chiến lược pháp lý rõ ràng nếu TRA nghi ngờ hoặc mở rộng điều tra.

Mẹo thực hành: Doanh nghiệp nên ký hợp đồng khung (retainer) với một hãng luật hoặc tư vấn thương mại quốc tế có kinh nghiệm về Anh/EU, để khi cần có thể phản ứng ngay thay vì mất thời gian tìm kiếm.

Ví dụ thực tế: Trong vụ **Frog Bikes (CAS021)**, doanh nghiệp đã thành công khi cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý chứng minh quá trình tái cấu trúc minh bạch, được TRA chấp nhận và miễn trừ khỏi biện pháp chống lẩn tránh. Đây là minh chứng rõ ràng cho tầm quan trọng của việc chuẩn bị bộ công cụ pháp lý sẵn sàng.

6. Sử dụng công nghệ quản trị rủi ro

Trong bối cảnh các cơ quan điều tra ngày càng áp dụng công nghệ cao để theo dõi dòng chảy thương mại, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần chủ động ứng dụng **các công cụ công nghệ số** để kiểm soát và phòng ngừa rủi ro lẩn tránh. Điều này không chỉ giúp minh bạch hóa hoạt động, mà còn tạo lợi thế khi phải cung cấp bằng chứng cho cơ quan điều tra.

Các biện pháp cụ thể:

Áp dụng hệ thống ERP và SCM (Supply Chain Management):

Tích hợp dữ liệu nhập khẩu, sản xuất, xuất khẩu trên một nền tảng duy nhất.

Theo dõi theo thời gian thực tỷ lệ nguyên liệu nhập từ từng quốc gia và giá trị gia tăng tại Việt Nam.

Sử dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc:

Áp dụng **QR code, RFID, blockchain** để minh chứng rõ ràng hành trình nguyên liệu và sản phẩm.

Giúp khách hàng và cơ quan quản lý dễ dàng xác thực tính minh bạch của chuỗi cung ứng.

Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics):

Theo dõi biến động giá xuất khẩu, thị trường và chính sách phòng vệ thương mại.

Cảnh báo sớm nguy cơ bị điều tra nếu phát hiện mô hình thương mại bất thường.

Ứng dụng AI trong quản lý rủi ro:

Dự báo khả năng bị khởi xướng điều tra dựa trên dữ liệu thương mại và lịch sử các vụ việc.

Tự động cảnh báo khi doanh nghiệp tiến gần đến "ngưỡng rủi ro" (ví dụ: tỷ lệ nhập từ nước bị áp thuế vượt 55%).

Mẹo thực hành: Doanh nghiệp nên bắt đầu với các công cụ cơ bản (ERP, QR code) và từng bước mở rộng sang blockchain hoặc AI, tùy theo nguồn lực. Quan trọng là xây dựng **hệ thống dữ liệu số hóa**, dễ dàng chia sẻ với cơ quan điều tra khi cần.

Ví dụ thực tế: Một số doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đã áp dụng blockchain để truy xuất nguồn gốc nuôi trồng – từ ao nuôi đến thành phẩm xuất khẩu. Nếu mô hình này được áp dụng trong ngành thép, xe đạp hay dệt may, đây sẽ là bằng chứng mạnh mẽ để bác bỏ cáo buộc "lẩn tránh".

Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước

1. Tăng cường hệ thống cảnh báo sớm về nguy cơ lẩn tránh

1.1. Bối cảnh và sự cần thiết

Trong thương mại quốc tế, biện pháp chống lẩn tránh thường xuất hiện **sau khi một quốc gia đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đối với sản phẩm của một nước khác**. Khi đó, doanh nghiệp từ nước bị áp thuế gốc thường tìm cách **chuyển hướng xuất khẩu** qua nước thứ ba để né tránh thuế. Việt Nam, với vị trí địa lý thuận lợi và năng lực sản xuất đa dạng, dễ trở thành điểm trung chuyển hoặc gia công đơn giản.

Điều này khiến các cơ quan điều tra, điển hình là **Cơ quan Biện pháp Thương mại Vương quốc Anh (TRA)**, ngày càng chú ý đến hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, đặc biệt khi thấy dòng nhập khẩu vào Việt Nam tăng đột biến từ nước bị áp thuế.

Nếu không có **cơ chế cảnh báo sớm**, doanh nghiệp Việt Nam sẽ rơi vào thế bị động: chỉ biết đến nguy cơ khi cơ quan điều tra khởi xướng vụ việc. Khi đó, chi phí ứng phó rất lớn, khả năng thành công lại thấp.

1.2. Đặc thù của cảnh báo trong chống lẩn tránh

So với chống bán phá giá hay chống trợ cấp, cảnh báo trong chống lẩn tránh có những đặc thù riêng:

Không dựa vào giá hay trợ cấp: Yếu tố giá thấp hoặc chính sách hỗ trợ không phải trọng tâm. Thay vào đó, rủi ro đến từ **xuất xứ hàng hóa và cấu trúc chuỗi cung ứng**.

Biến động nhập khẩu bất thường: Cơ quan điều tra sẽ xem xét khi lượng nhập khẩu linh kiện từ nước bị áp thuế vào Việt Nam tăng nhanh và xuất khẩu từ Việt Nam sang Anh tăng tương ứng.

Khó nhận diện hơn: Vì sản phẩm vẫn hợp pháp trên thị trường, chỉ khi đối chiếu chuỗi dữ liệu mới thấy rủi ro. Do đó, cảnh báo cần dựa vào **phân tích dữ liệu thương mại đa chiều**, không chỉ số liệu xuất khẩu.

1.3. Vai trò của cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước, đặc biệt là **Bộ Công Thương, Tổng cục Hải quan và Thương vụ Việt Nam tại Anh**, cần đóng vai trò trung tâm trong hệ thống cảnh báo sớm:

Theo dõi luồng hàng hóa quốc tế: Phân tích dữ liệu nhập khẩu – xuất khẩu theo mã HS, phát hiện sự gia tăng bất thường từ nước bị áp thuế vào Việt Nam.

Kết nối thông tin liên ngành: Tạo kênh chia sẻ dữ liệu giữa hải quan, bộ ngành và các thương vụ để nhanh chóng cảnh báo doanh nghiệp.

Thông tin chính thức: Khi có tín hiệu điều tra từ phía Anh hoặc EU, cơ quan nhà nước cần thông tin sớm đến hiệp hội và doanh nghiệp để chuẩn bị hồ sơ.

Định hướng chính sách: Dựa trên cảnh báo, đưa ra khuyến nghị phát triển nội địa hóa, giảm phụ thuộc nguồn nguyên liệu từ các quốc gia bị áp thuế.

1.4. Vai trò của hiệp hội ngành hàng

Hiệp hội là "tai mắt" của ngành, có lợi thế gần gũi với doanh nghiệp, có thể chủ động:

Theo dõi biến động trong ngành: Nhận biết nhanh tình trạng nhập khẩu nguyên liệu tăng bất thường, hoặc xuất khẩu tăng nóng ở một nhóm doanh nghiệp.

Phát hành bản tin cảnh báo: Định kỳ công bố báo cáo ngành, nêu rõ rủi ro lẩn tránh tiềm ẩn.

Tập hợp dữ liệu tập thể: Khi có nguy cơ điều tra, hiệp hội có thể cung cấp dữ liệu ngành tổng quan để chứng minh năng lực sản xuất trong nước là thực chất.

Cầu nối đối thoại: Truyền tải khuyến nghị của cơ quan nhà nước đến doanh nghiệp, đồng thời phản ánh khó khăn của doanh nghiệp lên cấp quản lý.

1.5. Cơ chế phối hợp

Để hệ thống cảnh báo sớm vận hành hiệu quả, cần một cơ chế phối hợp ba bên:

Nhà nước – Hiệp hội – Doanh nghiệp cùng tham gia chia sẻ dữ liệu và thông tin.

Đầu mối chung: Bộ Công Thương hoặc một đơn vị chuyên trách PVTM giữ vai trò điều phối.

Quy trình cảnh báo:

Thu thập dữ liệu → Phân tích rủi ro → Gửi cảnh báo đến hiệp hội/doanh nghiệp → Hỗ trợ hành động (ví dụ thay đổi nguồn cung).

1.6. Công cụ triển khai

Một số công cụ cụ thể có thể áp dụng:

Cơ sở dữ liệu số quốc gia về phòng vệ thương mại: tích hợp số liệu hải quan, thống kê, dữ liệu nhập khẩu nguyên liệu.

Hệ thống dashboard cảnh báo: hiển thị trực quan các dòng hàng tăng trưởng bất thường theo thời gian.

Ứng dụng công nghệ Big Data và AI: để phát hiện mô hình thương mại có dấu hiệu "chuyển hướng".

Cổng thông tin PVTM cho doanh nghiệp: nơi hiệp hội và cơ quan nhà nước công bố cảnh báo định kỳ.

1.7. Ví dụ minh họa từ thực tiễn

Vụ CE0028 – Martlet (Anh): TRA đã theo dõi sát dòng linh kiện xe đạp nhập khẩu từ Trung Quốc sang Việt Nam. Khi thấy có sự gia tăng, TRA nghi ngờ lẩn tránh và khởi xướng điều tra. Nhờ chuẩn bị số liệu rõ ràng, Martlet được miễn trừ. Nếu có cảnh báo sớm, các doanh nghiệp khác cũng có thể chuẩn bị dữ liệu tương tự.

Vụ CE0042 – Winlong: TRA chú ý đến việc kế thừa hoạt động từ Planet X. Sự minh bạch trong dữ liệu giúp doanh nghiệp chứng minh hợp pháp. Đây là ví dụ cho thấy cảnh báo không chỉ về số liệu thương mại mà còn cả về **cấu trúc pháp lý doanh nghiệp**.

1.8. Gợi ý hành động cụ thể

Đối với cơ quan nhà nước:

Xây dựng **hệ thống cảnh báo PVTM quốc gia**, tập trung vào dữ liệu thương mại với các nước bị áp thuế.

Đào tạo cán bộ chuyên trách có khả năng phân tích dữ liệu lớn và nhận diện rủi ro lẩn tránh.

Đối với hiệp hội:

Phát hành **bản tin cảnh báo hàng quý**, công bố rủi ro theo ngành hàng.

Tổ chức tập huấn cho doanh nghiệp về cách tự nhận diện nguy cơ trong chuỗi cung ứng.

Đối với doanh nghiệp:

Thiết lập bộ phận theo dõi nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm, phối hợp chia sẻ dữ liệu với hiệp hội.

Khi nhận cảnh báo, chủ động điều chỉnh nguồn cung hoặc tỷ lệ nội địa hóa để tránh bị "soi".

2. Hoàn thiện khung pháp lý và quy định về xuất xứ

2.1. Tầm quan trọng của xuất xứ trong điều tra chống lẩn tránh

Trong các vụ việc chống lẩn tránh, cơ quan điều tra quốc tế, đặc biệt là TRA của Vương quốc Anh, không tập trung vào giá bán hay chính sách hỗ trợ nhà nước, mà nhắm trực diện vào yếu tố xuất xứ hàng hóa và giá trị gia tăng tại quốc gia xuất khẩu. Đây là điểm khác biệt căn bản với chống bán phá giá hay chống trợ cấp. Chỉ cần sản phẩm không chứng minh được sản xuất thực chất tại Việt Nam hoặc có tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu từ nước bị áp thuế quá cao, doanh nghiệp sẽ dễ dàng bị coi là lẩn tránh, bất kể giá cả hay cơ chế trợ cấp. Do vậy, việc hoàn thiện khung pháp lý và tăng cường năng lực quản lý xuất xứ là yêu cầu cấp bách để bảo vệ doanh nghiệp Việt Nam.

2.2. Thực trạng quy định về xuất xứ ở Việt Nam

Việt Nam hiện đã ban hành nhiều văn bản quy định về xuất xứ hàng hóa, chủ yếu dựa trên các hiệp định thương mại song phương và đa phương. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế: quy tắc xuất xứ trong một số ngành chưa tiệm cận chuẩn quốc tế; thủ tục cấp C/O vẫn nặng về hồ sơ giấy, chưa áp dụng công nghệ số toàn diện; hệ thống kiểm tra, giám sát còn thiếu chặt chẽ, dẫn tới nguy cơ bị lợi dụng để gian lận xuất xứ. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa có đủ kiến thức và năng lực để chuẩn bị bộ hồ sơ xuất xứ đầy đủ, dẫn đến bị động khi có điều tra.

2.3. Yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý về xuất xứ

Trước hết, Bộ Công Thương cần rà soát lại toàn bộ quy định về quy tắc xuất xứ trong các văn bản pháp luật hiện hành, đảm bảo thống nhất và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các tiêu chí như hàm lượng giá trị gia tăng, chuyển đổi mã HS, hoặc công đoạn gia công chế biến đáng kể cần được cụ thể hóa cho từng ngành hàng. Cơ quan quản lý cũng nên ban hành hướng dẫn chi tiết, minh họa bằng ví dụ cụ thể để doanh nghiệp dễ áp dụng. Thứ hai, quy trình cấp và kiểm soát C/O cần được cải cách mạnh mẽ. Việc số hóa toàn bộ quy trình sẽ giúp giảm thiểu sai sót, tăng tốc độ xử lý và tạo cơ sở dữ liệu tập trung, minh bạch. Hệ thống điện tử cho phép doanh nghiệp khai báo trực tuyến, lưu trữ lâu dài và dễ dàng đối chiếu khi có yêu cầu từ cơ quan điều tra nước ngoài. Thứ ba, cần tăng cường phối hợp giữa Bộ Công Thương, Tổng cục Hải quan và các hiệp hội trong việc kiểm tra chéo và giám sát hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu. Cơ chế này không chỉ giúp ngăn chặn gian lận xuất xứ ngay từ đầu mà còn tạo cơ sở vững chắc để chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa Việt Nam khi ra nước ngoài.

2.4. Vai trò của hiệp hội ngành hàng

Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp nhỏ lúng túng khi tính toán tỷ lệ giá trị gia tăng hay chuẩn bị hồ sơ xuất xứ, hiệp hội ngành hàng có thể đóng vai trò hỗ trợ thiết thực. Hiệp hội có thể tổ chức tập huấn định kỳ, cung cấp mẫu biểu và hướng dẫn tính toán phù hợp với đặc thù ngành. Một sáng kiến cần thiết là xây dựng "cẩm nang xuất xứ" cho

từng ngành hàng, tập hợp các tình huống thực tế, bài học từ vụ việc quốc tế và hướng dẫn chi tiết cách chứng minh xuất xứ. Ngoài ra, hiệp hội có thể đứng ra thu thập dữ liệu tổng quan về năng lực sản xuất của ngành, làm bằng chứng tập thể trong trường hợp bị điều tra, thay vì để từng doanh nghiệp tự chứng minh đơn lẻ.

2.5. Bài học thực tiễn từ vụ việc quốc tế

Kinh nghiệm từ các vụ điều tra tại Anh cho thấy, minh chứng xuất xứ đóng vai trò quyết định trong kết quả điều tra. Trong vụ CE0028 liên quan đến xe đạp, doanh nghiệp Martlet đã thành công khi chứng minh tỷ lệ linh kiện nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ chiếm 24% tổng giá trị, thấp hơn nhiều so với ngưỡng 60% thường được TRA sử dụng. Điều này chỉ có thể đạt được nhờ hệ thống chứng từ đầy đủ và cách tính toán rõ ràng. Trong vụ CE0042, Winlong đã cung cấp trọn vẹn hồ sơ pháp lý và chứng từ xuất xứ, chứng minh quá trình kế thừa hợp pháp từ công ty Planet X, từ đó được miễn trừ khỏi biện pháp chống lẩn tránh. Hai trường hợp này cho thấy nếu doanh nghiệp chủ động chuẩn bị hồ sơ xuất xứ chuẩn mực và minh bạch ngay từ đầu, khả năng bảo vệ thành công trong điều tra sẽ cao hơn rất nhiều.

2.6. Gợi ý hành động cụ thể

Đối với cơ quan nhà nước, cần sớm ban hành kế hoạch "chuẩn hóa xuất xứ" ở cấp quốc gia, bao gồm việc cải cách thủ tục cấp C/O, số hóa hệ thống dữ liệu và tăng cường phối hợp liên ngành. Đối với hiệp hội ngành hàng, nên thường xuyên cập nhật kiến thức cho doanh nghiệp, xây dựng cẩm nang và tạo diễn đàn trao đổi về kinh nghiệm thực tế. Đối với doanh nghiệp, cần lập sẵn "hồ sơ xuất xứ chuẩn" cho từng dòng sản phẩm, bao gồm toàn bộ chứng từ nhập khẩu, sản xuất và xuất khẩu. Khi có yêu cầu từ cơ quan điều tra, bộ hồ sơ này sẽ là bằng chứng quan trọng để khẳng định hàng hóa có xuất xứ hợp pháp tại Việt Nam.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống dữ liệu minh bạch

3.1. Ý nghĩa của dữ liệu trong điều tra chống lẩn tránh

Trong điều tra chống lẩn tránh, dữ liệu là nền tảng để chứng minh hoạt động sản xuất thực chất tại Việt Nam. Cơ quan điều tra như TRA thường yêu cầu doanh nghiệp cung cấp hồ sơ rất chi tiết, bao gồm hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hải quan, dữ liệu sản xuất, chi phí nguyên liệu và nhân công. Nếu doanh nghiệp thiếu hoặc không nhất quán, nguy cơ bị coi là không hợp tác rất cao. Đây là điểm khác biệt rõ rệt với điều tra chống bán phá giá hay chống trợ cấp, vốn tập trung nhiều vào giá xuất khẩu hoặc chính sách hỗ trợ nhà nước. Trong chống lẩn tránh, minh bạch dữ liệu toàn bộ chuỗi cung ứng và quá trình sản xuất mới là yếu tố quyết định.

3.2. Thực trạng về dữ liệu của doanh nghiệp Việt Nam

Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiện vẫn lưu trữ dữ liệu theo cách rời rạc, nhiều khi phụ thuộc vào hồ sơ giấy hoặc file Excel thủ công. Điều này gây khó khăn lớn khi cần cung cấp bộ hồ sơ đầy đủ trong thời gian ngắn. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp chưa có quy trình kiểm tra chéo giữa các bộ phận, dẫn tới tình trạng số liệu trên hóa đơn, C/O, hợp đồng và báo cáo tài chính không đồng nhất. Khi bị cơ quan điều tra nước ngoài soi kỹ, những mâu thuẫn nhỏ này có thể bị diễn giải thành bằng chứng lẩn tránh.

3.3. Vai trò của cơ quan nhà nước

Để hỗ trợ doanh nghiệp, cơ quan nhà nước có thể chủ động xây dựng các nền tảng dữ liệu chung. Bộ Công Thương có thể phát triển hệ thống quản lý dữ liệu PVTM, trong đó doanh nghiệp định kỳ cập nhật tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu, tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước và sản lượng xuất khẩu. Tổng cục Hải quan có thể phối hợp cung cấp dữ liệu thống kê nhập khẩu theo mã HS, làm cơ sở so sánh và xác thực khi cơ quan điều tra yêu cầu. Ngoài ra, cơ quan nhà nước cũng cần khuyến khích doanh nghiệp số hóa toàn bộ chứng từ thương mại, đồng thời hỗ trợ về chuẩn định dạng để dễ dàng chia sẻ với đối tác quốc tế.

3.4. Vai trò của hiệp hội ngành hàng

Hiệp hội có thể là "bộ nhớ tập thể" của ngành, nơi tổng hợp dữ liệu chung để chứng minh năng lực sản xuất thực chất của Việt Nam. Trong nhiều trường hợp, khi từng doanh nghiệp riêng lẻ khó chứng minh, dữ liệu tập thể từ hiệp hội sẽ có giá trị lớn. Hiệp hội có thể thiết lập cơ sở dữ liệu ngành, bao gồm số lượng nhà sản xuất, năng lực thiết bị, tỷ lệ nội địa hóa trung bình. Ngoài ra, hiệp hội có thể tổ chức tập huấn cho doanh nghiệp về kỹ năng quản lý dữ liệu, hướng dẫn chuẩn hóa chứng từ và cung cấp mẫu hồ sơ chuẩn để doanh nghiệp áp dụng.

3.5. Công cụ và giải pháp để tăng tính minh bạch

Doanh nghiệp cần được khuyến khích ứng dụng công nghệ quản lý dữ liệu hiện đại. Hệ thống ERP hoặc phần mềm quản lý xuất nhập khẩu có thể giúp tích hợp toàn bộ dữ liệu từ nhập nguyên liệu đến xuất khẩu. Công nghệ truy xuất nguồn gốc như QR code hoặc blockchain có thể cung cấp bằng chứng khách quan về nguồn gốc hàng hóa. Phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ nhận diện rủi ro bất thường, cảnh báo sớm cho doanh nghiệp. Khi hệ thống dữ liệu minh bạch được triển khai, doanh nghiệp sẽ không chỉ phòng ngừa rủi ro điều tra mà còn nâng cao uy tín với khách hàng quốc tế.

3.6. Bài học thực tiễn từ các vụ việc

Trong vụ CE0042 – Winlong, doanh nghiệp đã thành công trong việc chứng minh không lẩn tránh nhờ cung cấp bộ hồ sơ tài chính, hợp đồng và chứng từ xuất xứ đầy đủ, nhất quán. TRA chấp nhận rằng Winlong kế thừa hợp pháp hoạt động từ Planet X, bởi dữ liệu minh chứng rõ ràng, không mâu thuẫn. Ngược lại, trong nhiều trường hợp khác, khi doanh nghiệp không nộp hồ sơ đúng hạn hoặc dữ liệu không nhất quán, cơ quan điều tra thường áp dụng mức thuế bất lợi như với nước bị áp thuế gốc. Bài học ở đây là minh bạch dữ liệu không chỉ là lợi thế, mà còn là điều kiện bắt buộc để tránh rủi ro lẩn tránh.

3.7. Gợi ý hành động cụ thể

Đối với cơ quan nhà nước, cần triển khai một dự án quốc gia về số hóa dữ liệu xuất xứ, trong đó xây dựng nền tảng trực tuyến để doanh nghiệp cập nhật định kỳ. Đối với hiệp hội, có thể thành lập trung tâm dữ liệu ngành, nơi hội viên chia sẻ thông tin sản xuất – xuất khẩu để làm bằng chứng tập thể. Đối với doanh nghiệp, cần thiết lập quy trình quản lý dữ liệu nội bộ, bao gồm lưu trữ số hóa, kiểm tra chéo giữa các bộ phận và định kỳ kiểm toán dữ liệu. Một gợi ý hữu ích là xây dựng "hồ sơ dữ liệu chuẩn" cho từng sản phẩm xuất khẩu, trong đó gom toàn bộ chứng từ từ nhập khẩu nguyên liệu, hợp đồng sản xuất, đến xuất khẩu thành phẩm, sẵn sàng cung cấp khi bị yêu cầu.

4. Chính sách khuyến khích nội địa hóa và phát triển cụm ngành

4.1. Tại sao nội địa hóa quan trọng trong chống lẩn tránh

Trong điều tra chống lẩn tránh, cơ quan điều tra quốc tế không chỉ xem xét nguồn gốc nhập khẩu nguyên liệu mà còn đánh giá liệu hoạt động sản xuất tại Việt Nam có tạo ra giá trị gia tăng thực chất hay không. Nếu doanh nghiệp chỉ nhập linh kiện từ nước bị áp thuế rồi lắp ráp sơ sài, rất dễ bị coi là lẩn tránh. Ngược lại, nếu doanh nghiệp chứng minh rằng một phần đáng kể giá trị sản phẩm được tạo ra tại Việt Nam, nguy cơ bị áp thuế sẽ giảm rõ rệt. Chính vì vậy, chính sách nội địa hóa và phát triển cụm ngành đóng vai trò then chốt để tăng cường khả năng tự chủ của doanh nghiệp.

4.2. Thực trạng nội địa hóa tại Việt Nam

Ở nhiều ngành xuất khẩu chủ lực như thép, xe đạp, dệt may hay điện tử, mức độ nội địa hóa còn hạn chế. Doanh nghiệp vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu linh kiện và nguyên liệu từ Trung Quốc, Hàn Quốc hoặc Đài Loan. Điều này khiến tỷ lệ giá trị gia tăng tại Việt Nam chưa cao, tiềm ẩn rủi ro lớn trong các vụ điều tra chống lẩn tránh. Bên cạnh đó, việc thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành khiến chi phí sản xuất tăng, khó tận dụng thế mạnh nội địa.

4.3. Vai trò của chính sách nhà nước

Để khuyến khích nội địa hóa, Nhà nước cần có những biện pháp đồng bộ. Trước hết, có thể áp dụng các chính sách ưu đãi thuế và tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu trong nước. Thứ hai, cần quy hoạch và phát triển các cụm công nghiệp chuyên ngành, nơi doanh nghiệp có thể tận dụng lẫn nhau về nguyên liệu, bán thành phẩm và dịch vụ kỹ thuật. Thứ ba, khuyến khích các chương trình chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa, giúp nâng cao năng lực sản xuất trong nước.

4.4. Vai trò của hiệp hội ngành hàng

Hiệp hội có thể hỗ trợ bằng cách kết nối doanh nghiệp lớn với các nhà cung cấp vừa và nhỏ trong nước, từ đó hình thành mạng lưới nội địa mạnh hơn. Ngoài ra, hiệp hội có thể tổ chức khảo sát định kỳ về mức độ nội địa hóa trong ngành, từ đó đưa ra khuyến nghị chính sách cho cơ quan quản lý. Một sáng kiến đáng chú ý là xây dựng "bản đồ công nghiệp phụ trợ" cho từng ngành, liệt kê các nhà cung cấp nội địa theo sản phẩm, quy mô và năng lực. Đây sẽ là công cụ hữu ích giúp doanh nghiệp dễ dàng tìm kiếm đối tác trong nước thay vì phụ thuộc vào nhập khẩu.

4.5. Bài học thực tiễn

Trong vụ CE0028 – Martlet, mặc dù nhập khẩu một phần linh kiện từ Trung Quốc, doanh

nghiệp vẫn được miễn trừ vì chứng minh được công đoạn lắp ráp và hoàn thiện tại Việt Nam tạo ra giá trị gia tăng đáng kể. Trong lĩnh vực dệt may, vụ CE0042 – Winlong cho thấy doanh nghiệp có lợi thế khi duy trì chuỗi cung ứng nội địa mạnh, đặc biệt là trong khâu may mặc, thiết kế và hoàn thiện sản phẩm. Những ví dụ này chứng minh rằng nếu có tỷ lệ nội địa hóa cao, doanh nghiệp có thể giảm thiểu đáng kể rủi ro bị coi là lẩn tránh.

4.6. Gợi ý hành động cụ thể

Đối với cơ quan nhà nước, cần sớm triển khai các chương trình ưu đãi đầu tư cho công nghiệp phụ trợ, đồng thời hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp chuyên ngành ở những địa phương có thế mạnh. Đối với hiệp hội, nên phát triển các dự án liên kết doanh nghiệp hội viên với nhà cung cấp nội địa, xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lực cung ứng. Đối với doanh nghiệp, cần chủ động tìm kiếm và hợp tác với đối tác trong nước, đồng thời định kỳ tính toán tỷ lệ giá trị gia tăng để đảm bảo đạt mức an toàn theo chuẩn quốc tế.

4.7. Kết luận của phần

Chính sách khuyến khích nội địa hóa và phát triển cụm ngành không chỉ giúp doanh nghiệp giảm phụ thuộc nhập khẩu, mà còn là công cụ hiệu quả để phòng ngừa rủi ro chống lẩn tránh. Đây là khác biệt so với các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ, bởi trong chống lẩn tránh, yếu tố cốt lõi không nằm ở giá hay trợ cấp, mà nằm ở năng lực sản xuất thực chất tại Việt Nam. Khi tỷ lệ nội địa hóa tăng, cụm ngành phát triển, doanh nghiệp sẽ có bằng chứng thuyết phục để chứng minh không tham gia vào hoạt động lẩn tránh, qua đó bảo vệ vững chắc vị thế xuất khẩu.

5. Tăng cường năng lực pháp lý và đối thoại quốc tế

5.1. Vì sao pháp lý là điểm mấu chốt trong điều tra chống lẩn tránh

Khác với chống bán phá giá (tập trung vào mức giá xuất khẩu) hay chống trợ cấp (tập trung vào chính sách hỗ trợ của chính phủ), điều tra chống lẩn tránh đặt nặng câu hỏi: **doanh nghiệp có thực sự độc lập và sản xuất tại Việt Nam hay chỉ là "cánh tay nối dài" của nhà sản xuất ở nước bị áp thuế?**. Cơ quan điều tra như TRA của Anh thường đi sâu vào hồ sơ pháp lý: giấy phép kinh doanh, quan hệ cổ đông, hợp đồng mua bán, hồ sơ tài chính, thậm chí cả sự liên kết sở hữu với doanh nghiệp nước ngoài. Nếu thiếu minh bạch, doanh nghiệp dễ bị quy kết là công ty vệ tinh, từ đó bị áp mức thuế như nước bị điều tra gốc.

5.2. Thực trạng của doanh nghiệp Việt Nam

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực gia công, chưa chú trọng xây dựng hồ sơ pháp lý đầy đủ và hệ thống. Một số doanh nghiệp có quan hệ hợp tác vốn hoặc cổ phần với nhà sản xuất ở Trung Quốc, nhưng không lưu trữ minh bạch hoặc không có bằng chứng rõ ràng về sự độc lập trong hoạt động sản xuất. Trong mắt cơ quan điều tra quốc tế, đây là rủi ro rất lớn. Ngoài ra, doanh nghiệp thường yếu trong khâu tham gia đối thoại, thiếu kỹ năng phản biện bằng chứng và trình bày quan điểm trước cơ quan điều tra nước ngoài.

5.3. Vai trò của cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước có thể hỗ trợ doanh nghiệp bằng cách:

Cung cấp **thư xác nhận chính thức** về việc doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được cấp phép sản xuất đầy đủ và tuân thủ quy định nội địa.

Thiết lập cơ chế **tham vấn sớm**: ngay khi có dấu hiệu khởi xướng điều tra, Bộ Công Thương cần tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để thống nhất dữ liệu và thông điệp pháp lý.

Tăng cường kênh ngoại giao và hợp tác song phương với Anh, nhằm tạo diễn đàn trao đổi và vận động chính sách, giúp bảo vệ lợi ích chung của ngành.

5.4. Vai trò của hiệp hội ngành hàng

Hiệp hội có thể trở thành đại diện pháp lý tập thể, cùng doanh nghiệp tham gia các phiên tham vấn công khai với TRA. Ngoài ra, hiệp hội có thể giúp rà soát hồ sơ pháp lý của hội viên, phát hiện sớm những điểm yếu như cấu trúc sở hữu thiếu minh bạch hoặc hợp đồng chưa rõ ràng. Một sáng kiến thiết thực là thành lập "tổ pháp lý ngành" để hỗ trợ hội viên chuẩn bị và chuẩn hóa tài liệu ngay từ đầu. Khi có vụ việc, hiệp hội cũng có thể đề xuất danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện miễn trừ, thay vì để từng doanh nghiệp đơn độc đối mặt.

5.5. Công cụ và giải pháp pháp lý cụ thể

Doanh nghiệp cần xây dựng bộ hồ sơ pháp lý chuẩn hóa, bao gồm: giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép sản xuất, hợp đồng thuê đất, hợp đồng lao động, báo cáo tài chính kiểm toán, hợp đồng mua sắm thiết bị. Bộ hồ sơ này giúp chứng minh năng lực sản xuất độc lập tại Việt Nam. Ngoài ra, doanh nghiệp nên nhờ tư vấn pháp lý quốc tế để rà soát

cấu trúc sở hữu, đảm bảo không có mối liên hệ bất lợi với doanh nghiệp ở nước bị áp thuế. Về đối thoại, doanh nghiệp cần chuẩn bị kỹ lưỡng trước các phiên tham vấn: dự liệu các câu hỏi của TRA, luyện tập cách trả lời và luôn minh bạch khi trình bày.

5.6. Bài học thực tiễn từ các vụ việc

Trong vụ CAS021 – Frog Bikes, doanh nghiệp đã được miễn trừ khỏi biện pháp chống lẩn tránh nhờ cung cấp bộ hồ sơ pháp lý minh bạch, chứng minh rằng việc tái cấu trúc công ty không nhằm mục đích né thuế. Ngược lại, ở nhiều vụ khác, doanh nghiệp không thể giải thích mối quan hệ cổ phần hoặc không có hồ sơ pháp lý rõ ràng, dẫn đến bị áp mức thuế cao như nước bị điều tra gốc. Điều này cho thấy năng lực pháp lý và khả năng đối thoại có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả điều tra.

5.7. Gợi ý hành động cụ thể

Đối với cơ quan nhà nước, cần xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý chuyên sâu cho doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với hiệp hội, nên phát triển bộ công cụ pháp lý mẫu cho ngành, đồng thời tổ chức diễn tập tình huống tham vấn để doanh nghiệp làm quen. Đối với doanh nghiệp, cần chủ động rà soát cấu trúc sở hữu, chuẩn hóa hồ sơ pháp lý và thuê tư vấn quốc tế khi cần thiết. Việc duy trì minh bạch và chủ động đối thoại sẽ giúp doanh nghiệp tránh được nguy cơ bị coi là lẩn tránh.

6. Kết luận chung

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu ngày càng phức tạp, biện pháp chống lẩn tránh đang trở thành công cụ quan trọng mà các quốc gia, trong đó có Vương quốc Anh, sử dụng để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Khác với các biện pháp truyền thống như chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ, điều tra chống lẩn tránh tập trung vào tính minh bạch và thực chất của chuỗi cung ứng: sản phẩm có thực sự được sản xuất tại Việt Nam hay chỉ "đi qua" để né thuế. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp, hiệp hội và cơ quan nhà nước Việt Nam phải có cách tiếp cận khác biệt, toàn diện và chủ động hơn.

Năm khuyến nghị lớn đã được phân tích chi tiết trong các phần trên đều xoay quanh những đặc thù của biện pháp chống lẩn tránh. Thứ nhất, cần thiết lập hệ thống cảnh báo sớm để phát hiện kịp thời những biến động bất thường trong thương mại, tránh để doanh nghiệp rơi vào thế bị động. Thứ hai, phải hoàn thiện khung pháp lý và quy định về xuất xứ, bởi đây là nền tảng quan trọng nhất để chứng minh giá trị gia tăng thực chất tại Việt Nam. Thứ ba, cần hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống dữ liệu minh bạch, số hóa toàn bộ chứng từ để sẵn sàng cung cấp khi bị điều tra. Thứ tư, phải khuyến khích nội địa hóa và phát triển cụm ngành nhằm giảm phụ thuộc nhập khẩu và tăng tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước. Cuối cùng, năng lực pháp lý và đối thoại quốc tế cần được tăng cường để doanh nghiệp có thể chứng minh sự độc lập và minh bạch trước cơ quan điều tra nước ngoài.

Điểm chung của tất cả khuyến nghị này là sự phối hợp chặt chẽ giữa ba chủ thể: nhà nước, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo khung pháp lý, hệ thống dữ liệu và các chính sách hỗ trợ. Hiệp hội đóng vai trò cầu nối, thu thập dữ liệu tập thể, đào tạo và đại diện cho ngành trong các cuộc tham vấn. Doanh nghiệp là trung tâm của quá trình, chủ động chuẩn bị hồ sơ, tăng cường năng lực sản xuất và duy trì tính minh bạch. Khi cả ba chủ thể phối hợp đồng bộ, năng lực ứng phó với điều tra chống lẩn tránh sẽ được nâng cao rõ rệt.

Một thông điệp quan trọng cần nhấn mạnh là: chống lẩn tránh không chỉ là thách thức, mà còn là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tái cấu trúc chuỗi cung ứng, tăng nội địa hóa và khẳng định uy tín trên thị trường quốc tế. Những doanh nghiệp chuẩn bị bài bản, minh bạch và có năng lực sản xuất thực chất sẽ không chỉ vượt qua được điều tra mà còn nâng cao vị thế cạnh tranh trong dài hạn.

Do đó, việc triển khai các khuyến nghị nêu trên không nên chỉ xem là biện pháp "ứng phó" tình huống, mà phải được coi là chiến lược phát triển bền vững của ngành xuất khẩu Việt Nam. Đây chính là con đường giúp Việt Nam duy trì đà tăng trưởng thương mại, đồng thời bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của doanh nghiệp trên thị trường toàn cầu.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI